**BẢN THUYẾT MINH DỰ THẢO LUẬT PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN SỬA ĐỔI**

| **Luật PCRT năm 2012** | **Dự thảo nội dung  điều khoản Luật sửa đổi, bổ sung** | **Ghi chú/Lý do sửa đổi** |
| --- | --- | --- |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Luật này quy định về các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi rửa tiền; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống rửa tiền; hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền. 2. Việc phòng, chống hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố được thực hiện theo quy định của Luật này, quy định của Bộ luật hình sự và pháp luật về phòng, chống khủng bố. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Luật này quy định về các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi rửa tiền; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống rửa tiền; hợp tác quốc tế *trong* phòng, chống rửa tiền.  2. Việc phòng, chống hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện theo quy định của Luật này, quy định của Bộ luật hình sự và pháp luật về phòng, chống khủng bố, phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. | + Sửa Khoản 1: đảm bảo chuẩn hóa từ ngữ  + Sửa Khoản 2: thống nhất với nội dung tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 27 và Điều 60 Dự thảo Luật. |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức tài chính.  2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan.  3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam; người nước ngoài sinh sống tại Việt Nam hoặc tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có giao dịch tài chính, giao dịch tài sản khác với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. 4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến phòng, chống rửa tiền. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức tài chính.  2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan.  3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam; người nước ngoài; tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ có *các* giao dịch với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.  4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến phòng, chống rửa tiền. | - B Tổ chức, c*“ngưổ chức, cá nhân khá* vì ngưhức, cá nhân khác có liên quan đến phòng, chống rửa tiền.quan. hoặc tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.  - Sửa đổi một số câu từ cụ thể để đảm bảo *“tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ có các giao dịch với tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính liên quan quy định tại khoản 1 và khoản 2”* là đối tượng áp dụng pháp luật phòng, chống rửa tiền. |
| **Điều 3. Áp dụng Luật phòng, chống rửa tiền, các luật có liên quan và điều ước quốc tế** Việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi rửa tiền được thực hiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. | **Điều 3. Áp dụng Luật Phòng, chống rửa tiền, các luật có liên quan và điều ước quốc tế**  Việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý *tổ chức, cá nhân có* hành vi rửa tiền được thực hiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.  *Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định tại Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.* | Sửa đổi, bổ sung đảm bảo rõ ràng hơn. |
| **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Rửa tiền là hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có, bao gồm:  a) Hành vi được quy định trong Bộ luật hình sự; b) Trợ giúp cho tổ chức, cá nhân có liên quan đến tội phạm nhằm trốn tránh trách nhiệm pháp lý bằng việc hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có;  c) Chiếm hữu tài sản nếu tại thời điểm nhận tài sản đã biết rõ tài sản đó do phạm tội mà có, nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản. 2. Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự, có thể tồn tại dưới hình thức vật chất hoặc phi vật chất; động sản hoặc bất động sản; hữu hình hoặc vô hình; các chứng từ hoặc công cụ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó. 3. Tổ chức tài chính là tổ chức được cấp giấy phép thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây: a) Nhận tiền gửi; b) Cho vay; c) Cho thuê tài chính; d) Dịch vụ thanh toán; đ) Phát hành công cụ chuyển nhượng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, lệnh chuyển tiền, tiền điện tử; e) Bảo lãnh ngân hàng và cam kết tài chính; g) Cung ứng dịch vụ ngoại hối, các công cụ tiền tệ trên thị trường tiền tệ; h) Tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đại lý phân phối chứng khoán; i) Quản lý danh mục vốn đầu tư; k) Quản lý tiền mặt hoặc chứng khoán cho tổ chức, cá nhân khác; l) Cung ứng dịch vụ bảo hiểm; hoạt động đầu tư có liên quan đến bảo hiểm nhân thọ; m) Đổi tiền. 4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan là tổ chức, cá nhân thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây: a) Kinh doanh trò chơi có thưởng, casino; b) Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản; sàn giao dịch bất động sản; c) Kinh doanh kim loại quý và đá quý; d) Cung ứng dịch vụ công chứng, kế toán; dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; đ) Dịch vụ ủy thác đầu tư; dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp; dịch vụ cung cấp giám đốc, thư ký của doanh nghiệp cho bên thứ ba. 5. Đối tượng báo cáo là tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. 6. Giao dịch đáng ngờ là giao dịch có dấu hiệu bất thường hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch có nguồn gốc từ hoạt động tội phạm hoặc liên quan tới rửa tiền. 7. Giao dịch có giá trị lớn là giao dịch bằng tiền mặt, bằng vàng hoặc ngoại tệ tiền mặt có tổng giá trị bằng hoặc vượt mức do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định, được thực hiện một hoặc nhiều lần trong một ngày. 8. Khách hàng là tổ chức, cá nhân đang sử dụng hoặc có ý định sử dụng dịch vụ hoặc sản phẩm do tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan cung cấp. 9. Chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế một tài khoản, có quyền chi phối khi khách hàng thực hiện giao dịch cho cá nhân này hoặc cá nhân có quyền chi phối một pháp nhân hoặc một thỏa thuận ủy thác đầu tư. 10. Quan hệ ngân hàng đại lý là hoạt động cung cấp dịch vụ ngân hàng, thanh toán và các dịch vụ khác của một ngân hàng tại một quốc gia, vùng lãnh thổ cho một ngân hàng đối tác tại một quốc gia, vùng lãnh thổ khác. 11. Người khởi tạo là chủ tài khoản hoặc người yêu cầu tổ chức tài chính thực hiện chuyển tiền điện tử trong trường hợp không có tài khoản. 12. Danh sách đen là danh sách tổ chức, cá nhân có liên quan tới khủng bố và tài trợ khủng bố do Bộ Công an chủ trì lập theo quy định của pháp luật. 13. Danh sách cảnh báo là danh sách tổ chức, cá nhân do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lập nhằm cảnh báo tổ chức, cá nhân có rủi ro cao về rửa tiền. 14. Hoạt động kinh doanh qua giới thiệu là hoạt động kinh doanh với khách hàng thông qua sự giới thiệu của bên trung gian là một tổ chức tài chính khác trong cùng tập đoàn hoặc tổng công ty hoặc thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ môi giới. 15. Lực lượng đặc nhiệm tài chính là tổ chức liên chính phủ, ban hành các chuẩn mực và thúc đẩy việc thực thi có hiệu quả các biện pháp pháp lý, quản lý và hành động nhằm chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và những hiểm họa có liên quan khác đe dọa sự toàn vẹn của hệ thống tài chính toàn cầu. 16. Thỏa thuận ủy quyền là thỏa thuận của tổ chức, cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện các giao dịch liên quan đến tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của tổ chức, cá nhân ủy quyền. | **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Rửa tiền là hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có, bao gồm:  a) Hành vi được quy định trong Bộ luật hình sự;  b) Trợ giúp cho tổ chức, cá nhân có liên quan đến tội phạm nhằm trốn tránh trách nhiệm pháp lý bằng việc hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có;  c) Chiếm hữu tài sản nếu tại thời điểm nhận tài sản đã biết rõ tài sản đó do phạm tội mà có, nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản.  2. Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự, có thể tồn tại dưới hình thức vật chất hoặc phi vật chất; động sản hoặc bất động sản; hữu hình hoặc vô hình; các chứng từ hoặc công cụ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó.  3. Tổ chức tài chính *để* thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây là tổ chức được cấp giấy phép *theo quy định pháp luật*:  a) Nhận tiền gửi;  b) Cho vay  *c) Cung ứng dịch vụ trung gian kết nối người đi vay và người cho vay dựa trên nền tảng công nghệ;*  *d) Cung cấp dịch vụ tài sản ảo;*  đ) Cho thuê tài chính;  e) Dịch vụ thanh toán;  *g) Dịch vụ trung gian thanh toán;*  h) Phát hành công cụ chuyển nhượng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, lệnh chuyển tiền, tiền điện tử;  i) Bảo lãnh ngân hàng và cam kết tài chính;  k) Cung ứng dịch vụ ngoại hối, các công cụ tiền tệ trên thị trường tiền tệ;  l) Tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đại lý phân phối chứng khoán;  m) Quản lý danh mục vốn đầu tư;  n) Quản lý tiền mặt*, quỹ,* chứng khoán cho tổ chức, cá nhân khác;  o) *Kinh doanh* bảo hiểm nhân thọ*;*  p) Đổi tiền.  4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan là tổ chức, cá nhân *theo quy định của pháp luật* thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây:  a) Kinh doanh trò chơi có thưởng, casino;  b) Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản; sàn giao dịch bất động sản;  c) Kinh doanh kim loại quý và đá quý;  d) Cung ứng dịch vụ công chứng, kế toán; dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư;  *đ) Cung cấp dịch vụ ủy thác; dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp; dịch vụ cung cấp giám đốc, thư ký cho doanh nghiệp cho bên thứ ba,*  5. Đối tượng báo cáo là tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.  6. Giao dịch đáng ngờ là giao dịch có dấu hiệu bất thường hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch có nguồn gốc từ hoạt động tội phạm hoặc liên quan tới rửa tiền.  7. Giao dịch tiền mặt có giá trị lớn là giao dịch bằng tiền mặt, bằng vàng hoặc ngoại tệ tiền mặt có tổng giá trị bằng hoặc vượt mức do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định, được thực hiện một hoặc nhiều lần trong một ngày.  8. Người khởi tạo là chủ tài khoản hoặc người yêu cầu tổ chức tài chính thực hiện chuyển tiền điện tử trong trường hợp không có tài khoản.  *9. Chuyển tiền điện tử là bất kỳ giao dịch nào được thực hiện theo yêu cầu của người khởi tạo thông qua tổ chức tài chính bằng phương tiện điện tử nhằm chuyển một số tiền nhất định cho người thụ hưởng tại tổ chức tài chính thụ hưởng. Người thụ hưởng có thể là người khởi tạo.*  10. Khách hàng là tổ chức, cá nhân, đang sử dụng hoặc có ý định sử dụng dịch vụ hoặc sản phẩm do tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan cung cấp.  11. Chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế một tài khoản, có quyền chi phối khi khách hàng thực hiện giao dịch cho cá nhân này hoặc cá nhân có quyền chi phối một pháp nhân hoặc một thỏa thuận *pháp lý.*  *12. Quan hệ ngân hàng đại lý là quan hệ được thiết lập giữa tổ chức tài chính và ngân hàng tại một quốc gia, vùng lãnh thổ khác (sau đây gọi là ngân hàng đối tác nước ngoài) để thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ ngân hàng, thanh toán và các dịch vụ khác.*  13. Danh sách đen là danh sách tổ chức, cá nhân có liên quan tới khủng bố và tài trợ khủng bố do Bộ Công an chủ trì lập theo quy định của pháp luật.  14. Danh sách cảnh báo là danh sách tổ chức, cá nhân *có rủi ro cao về rửa tiền* do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lập.  *15. Nhận biết, xác minh thông tin khách hàng thông qua bên thứ ba là hoạt động nhận biết, xác minh thông tin khách hàng thông qua tổ chức tài chính hohách hàng thông qua tổ chức tài chính iếtng nhận biết quan tkhác có thiết lập quan hệ với khách hàng và đáp ứng các điều kiện theo quy định của Điều 19 Luật này. Bên thứ ba không bao gồm các mối quan hệ đại lý và thuê ngoài.*  16. Lực lượng đặc nhiệm tài chính là tổ chức liên chính phủ, ban hành các chuẩn mực, thúc đẩy việc thực thi có hiệu quả các biện pháp pháp lý, quản lý và hành động nhằm chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt *cũng như* những hiểm họa có liên quan khác đe dọa sự toàn vẹn của hệ thống tài chính toàn cầu.  *17. Thoả thuận pháp lý là thỏa thuận được xác định theo luật pháp nước ngoài cho phép bên nhận ủy thác được chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp tài sản từ người ủy thác để thực hiện điều hành, quản lý, giám sát tài sản vì lợi ích của người thụ hưởng hoặc vì một mục đích được xác định trong văn bản ủy thác hoặc các quan hệ pháp lý khác có bản chất tương tự.*  *18. Đánh giá rhệ pháp lý khác có bản chất tương tựoài cho phép bên nhận ủy thác được chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp tài sản từ người ủy thác để thực hiện điều hành, quản lý, giám sát tài sản vì lợi ích*  *19. Cục Phòng, chống rửa tiền là đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chức năng phòng, chống rửa tiền, thu thập, phân tích và chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền và các chức năng khác được quy định tại Luật này.* | + Bổ sung hoạt động *“Cung ứng dịch vụ trung gian kết nối người đi vay và người cho vay dựa trên nền tảng công nghệ*” để phù hợp với định hướng xây dựng Luật PCRT sửa đổi (chính sách 1). Cụ thể: hoạt động cho vay dựa trên nền tảng công nghệ, cung ứng dịch vụ trung gian kết nối người đi vay và người cho vay là các hoạt động có tiềm ẩn rủi ro về rửa tiền do các tổ chức, cá nhân tham gia vào các giao dịch có tính ẩn danh cao. Do vậy, cần phải có các quy định yêu cầu các đối tượng cung ứng các dịch vụ này phải chịu sự điều chỉnh của Luật PCRT. Các đối tượng này phải áp dụng các biện pháp phòng, chống rửa tiền như nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng… để báo cáo, cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.    + Bổ sung hoạt động *“cung cấp dịch vụ tài sản ảo”* tại điểm d khoản 3 vào đối tượng báo cáo để điều chỉnh đối với các đối tượng thực hiện cung cấp dịch vụ tài sản ảo (chính sách 1). Đây là nhóm đối tượng có tiềm ẩn rủi ro về RT/TTKB nhưng chưa được điều chỉnh bởi Luật PCRT và các văn bản pháp luật khác. Do đó cần bổ sung các quy định yêu cầu các tổ chức này phải áp dụng các biện pháp phòng, chống rửa tiền như nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng, báo cáo giao dịch đáng ngờ, thực hiện các biện pháp trì hoãn giao dịch, niêm phong, phong tỏa tài khoản khi phát hiện giao dịch đáng ngờ/khi có yêu cầu từ cơ quan chức năng… Nội dung này cũng phù hợp với yêu cầu của FATF tại Khuyến nghị số 15.  + Bổ sung hoạt động *“dịch vụ trung gian thanh toán”* tại điểm g khoản 3 vào đối tượng điều chỉnh để điều chỉnh các đối tượng là trung gian thanh toán. Các đối tượng này có cung ứng các dịch vụ tài chính có các rủi ro về rửa tiền như ví điện tử, dịch vụ thu hộ, chi hộ là các loại hình kinh doanh có các rủi ro về rửa tiền. Việc bổ sung quy định này cũng phù hợp với chuẩn mực quốc tế về điều chỉnh hoạt động của trung gian thanh toán là hoạt động tài chính thuộc đối tượng phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa theo quy định của FATF, phù hợp với quy định tại Nghị định 87/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.  + Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 3 theo hướng chỉ các tổ chức *“Kinh doanh* bảo hiểm nhân thọ*”* mới là đối tượng phải thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền vì các loại hình bảo hiểm này mới phát sinh nguy cơ bị lợi dụng để thực hiện hoạt động rửa tiền.  Việc sửa đổi quy định này phù hợp với chuẩn mực quốc tế về điều chỉnh hoạt động của các tổ chức kinh doanh bảo hiểm nhân thọ là hoạt động tài chính thuộc đối tượng phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa theo quy định của FATF, nguyên tắc của Hiệp hội quốc tế của các nhà quản lý bảo hiểm (IAIS) mà Việt Nam là thành viên và kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền trong lĩnh vực bảo hiểm.  + Bổ sung định nghĩa *“Chuyển tiền điện tử”* để làm rõ hơn nội hàm của Điều 26.  + Bổ sung nội dung giải thích *“Nhận biết, xác minh thông tin khách hàng thông qua bên thứ ba”* vì nội dung này được quy định tại Điều 19. Nội dung giải thích đáp ứng yêu cầu tại Khuyến nghị số 17 của FATF về “Dựa vào bên thứ ba”.  + Sửa đổi khái niệm “Thỏa thuận ủy quyền” thành *“Thỏa thuận pháp lý”* để phù hợp với quy định tại Khuyến nghị số 25 của FATF về “Minh bạch thông tin về thỏa thuận pháp lý”. Đồng thời, sửa đổi nội hàm khái niệm “thỏa thuận pháp lý” phù hợp với quy định tại Điều 2 công ước Hague về Ủy thác. Việc sửa đổi khái niệm này cũng nhằm phân biệt nội hàm khái niệm này với một số quy định có bản chất tương tự quy định tại Bộ luật dân sự về ủy quyền, quy định của Luật Chứng khoán về Ủy thác đầu tư…  + Bổ sung quy định về “*Đánh giá rủi ro về rửa tiền*” nhằm phù hợp với quy định của FATF tại Khuyến nghị số 1 và các Kế hoạch hành động quốc gia của Việt Nam về rửa tiền và tài trợ khủng bố.  + Bổ sung quy định về *Cục Phòng, chống rửa tiền* để phù hợp với định hướng xây dựng Luật PCRT sửa đổi (chính sách 4) về hoàn thiện các quy định để nâng cao hiệu quả hoạt động phòng, chống rửa tiền của NHNN. Việc bổ sung quy định này cũng phù hợp với quy định của FATF về Đơn vị tình báo tài chính tại khuyến nghị số 29. |
| **Điều 5. Nguyên tắc về phòng, chống rửa tiền** 1. Việc phòng, chống rửa tiền phải thực hiện theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia; bảo đảm hoạt động bình thường về kinh tế, đầu tư; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; chống lạm quyền, lợi dụng việc phòng, chống rửa tiền để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan. 2. Các biện pháp phòng, chống rửa tiền phải được thực hiện đồng bộ, kịp thời; các hành vi rửa tiền phải được xử lý nghiêm minh. | Giữ nguyên | Giữ nguyên nội dung điều khoản Luật PCRT. 2012. |
| **Điều 6. Chính sách của Nhà nước về phòng, chống rửa tiền** 1. Phòng, chống rửa tiền là trách nhiệm của Nhà nước và các cơ quan nhà nước. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia, hợp tác, tài trợ cho hoạt động phòng, chống rửa tiền. 2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống rửa tiền. 3. Ban hành chính sách thúc đẩy hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền. 4. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống rửa tiền được Nhà nước khen thưởng. | **Điều 6. Chính sách của Nhà nước trong phòng, chống rửa tiền**  1. Phòng, chống rửa tiền là trách nhiệm của Nhà nước và các cơ quan nhà nước. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia, hợp tác *trong* hoạt động phòng, chống rửa tiền.  2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống rửa tiền.  3. Ban hành chính sách thúc đẩy hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền.  4. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống rửa tiền được Nhà nước khen thưởng. | Bỏ cụm từ *“tài trợ cho”* tại khoản 1 Điều 6 để phù hợp với nội dung chính sách của nhà nước trong phòng, chống rửa tiền. |
| **Điều luật mới** | ***Điều 7. Đánh giá rủi ro quốc gia và rủi ro ngành về rửa tiền***  *1. Định kỳ 05 (năm) năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro quốc gia về rửa tiền tại Việt Nam và trình Chính phủ phê duyệt kết quả đánh giá, kế hoạch thực hiện sau đánh giá.*  *2. Trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm triển khai đánh giá, cập nhật rủi ro ngành thuộc phạm vi quản lý, phổ biến kết quả đánh giá rủi ro quốc gia, ngành về rửa tiền trong nội bộ của bộ, ngành mình và đến các đối tượng báo cáo thuộc quyền quản lý, đồng thời có biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro đã xác định.* | Bổ sung điều mới về *“Đánh giá rủi ro quốc gia và rủi ro ngành về rửa tiền”* nhằm luật hóa nghĩa vụ của Việt Nam (NHNN và các bộ, ngành, đơn vị liên quan) trong việc thực hiện nhiệm vụ đánh giá rủi ro quốc gia, đánh giá rủi ro về ngành về rửa tiền được coi là một trong những trụ cột nền tảng của công tác PCRT theo chuẩn mực quốc tế. |
| **Điều 7. Các hành vi bị cấm** 1. Tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện thực hiện hành vi rửa tiền. 2. Thiết lập hoặc duy trì tài khoản vô danh hoặc tài khoản sử dụng tên giả. 3. Thiết lập và duy trì quan hệ kinh doanh với ngân hàng được thành lập tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhưng không có sự hiện diện hữu hình tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó và không chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan quản lý có thẩm quyền. 4. Cung cấp trái phép dịch vụ nhận tiền mặt, séc, công cụ tiền tệ khác hoặc công cụ lưu trữ giá trị và thực hiện thanh toán cho người thụ hưởng tại một địa điểm khác. 5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong phòng, chống rửa tiền xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. 6. Cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền. 7. Đe dọa, trả thù người phát hiện, cung cấp thông tin, báo cáo, tố cáo về hành vi rửa tiền. | **Điều 8. Các hành vi bị cấm**  1. Tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện, *trợ giúp* thực hiện hành vi rửa tiền.  2. Thiết lập hoặc duy trì tài khoản vô danh, mạo danh.  3. Thiết lập và duy trì quan hệ kinh doanh với ngân hàng được thành lập tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhưng không có sự hiện diện hữu hình tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó và không chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan quản lý có thẩm quyền *(sau đây gọi là ngân hàng vỏ bọc)*.  4. Cung cấp trái phép dịch vụ nhận tiền mặt, séc, công cụ tiền tệ khác hoặc công cụ lưu trữ giá trị và thực hiện thanh toán cho người thụ hưởng.  5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong phòng, chống rửa tiền xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.  6. Cản trở, *không hợp tác trong* việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền.  7. Đe dọa, trả thù người phát hiện, cung cấp thông tin, báo cáo, tố cáo về hành vi rửa tiền. | - Khoản 1, Khoản 6: bổ sung hành vi bị cấm, đảm bảo đầy đủ và phù hợp với thực tiễn phát sinh.  - Khoản 2: thay thế cụm từ *“tài khoản sử dụng tên giả”* bằng cụm từ *“mạo danh”* để đảm bảo chuẩn hóa từ ngữ.  - Khoản 3: bổ sung cụm từ *“(sau đây gọi là ngân hàng vỏ bọc)”*. Nội hàm của khoản 3 thể hiện hành vi bị cấm khi thiết lập và duy trì quan hệ kinh doanh với ngân hàng vỏ bọc. Thiết kế nội hàm của Điều và cụm từ *“(sau đây gọi là ngân hàng vỏ bọc)”* để không phải đưa định nghĩa này vào phần giải thích từ ngữ do nội dung này sau đó chỉ được sử dụng tại Điều 6 dự thảo Luật. |
| **Điều 8. Nhận biết khách hàng** 1. Tổ chức tài chính phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau: a) Khách hàng mở tài khoản hoặc thiết lập giao dịch với tổ chức tài chính; b) Khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn hoặc thực hiện giao dịch chuyển tiền điện tử mà thiếu thông tin về tên, địa chỉ, số tài khoản của người khởi tạo; c) Có nghi ngờ giao dịch hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến hoạt động rửa tiền; d) Có nghi ngờ về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập trước đó. 2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau: a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 của Luật này phải tiến hành các biện pháp nhận biết khách hàng đối với các khách hàng có giao dịch có giá trị lớn; b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng khi cung cấp dịch vụ môi giới mua, bán và quản lý bất động sản cho khách hàng; c) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm c khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong trường hợp khách hàng có giao dịch mua, bán kim loại quý, đá quý có giá trị lớn bằng tiền mặt; d) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng khi thay mặt khách hàng chuẩn bị các điều kiện để thực hiện giao dịch hoặc thay mặt khách hàng thực hiện giao dịch chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; quản lý tiền, chứng khoán hoặc các tài sản khác của khách hàng; quản lý tài khoản của khách hàng tại ngân hàng, công ty chứng khoán; điều hành, quản lý hoạt động công ty của khách hàng; tham gia vào hoạt động mua, bán các tổ chức kinh doanh; đ) Các tổ chức cung cấp dịch vụ quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng khi cung ứng các dịch vụ thành lập công ty; cung cấp giám đốc, thư ký giám đốc của doanh nghiệp; cung cấp văn phòng đăng ký, địa chỉ hoặc địa điểm kinh doanh; cung cấp dịch vụ đại diện cho công ty; dịch vụ ủy thác đầu tư; dịch vụ cung cấp người đại diện cho cổ đông. | **Điều 9. Nhận biết khách hàng**  1. Tổ chức tài chính phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau:  a) Khách hàng lần đầu mở tài khoản hoặc thiết lập giao dịch với tổ chức tài chính;  b) Khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên, đồng thời là giao dịch có giá trị lớn hoặc thực hiện giao dịch chuyển tiền điện tử mà thiếu thông tin về tên, địa chỉ, số tài khoản của người khởi tạo;  c) Có nghi ngờ giao dịch, *các giao dịch liên quan* hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến hoạt động rửa tiền;  d) Có nghi ngờ về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập trước đó.  2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau:  a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 của Luật này phải tiến hành các biện pháp nhận biết khách hàng đối với các khách hàng có giao dịch có giá trị lớn;  b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng khi cung cấp dịch vụ môi giới mua, bán và quản lý bất động sản cho khách hàng;  c) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm c khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong trường hợp khách hàng có giao dịch mua, bán kim loại quý, đá quý có giá trị lớn bằng tiền mặt;  d) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng khi thay mặt khách hàng chuẩn bị các điều kiện để thực hiện giao dịch hoặc thay mặt khách hàng thực hiện giao dịch chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; quản lý tiền, chứng khoán hoặc các tài sản khác của khách hàng; quản lý tài khoản của khách hàng tại ngân hàng, công ty chứng khoán; điều hành, quản lý hoạt động công ty của khách hàng; tham gia vào hoạt động mua, bán các tổ chức kinh doanh, *cung cấp dịch vụ ủy thác;*  đ) Các tổ chức cung cấp dịch vụ quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng khi cung ứng các dịch vụ thành lập công ty; cung cấp giám đốc, thư ký *cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ủy thác.*  *3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.* | + Sửa một số khái niệm tương ứng đã được sửa đổi tại Điều 4 về Giải thích từ ngữ.  + Bổ sung khoản 3: “*Chính phủ quy định chi tiết Điều này”* để có cơ sở ban hành văn bản hướng dẫn. |
| **Điều 9. Thông tin nhận biết khách hàng** Thông tin nhận biết khách hàng phải có các thông tin chính sau đây: 1. Thông tin nhận dạng khách hàng: a) Đối với khách hàng cá nhân là người Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại. Đối với khách hàng cá nhân là người nước ngoài: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, thị thực nhập cảnh; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở Việt Nam; b) Đối với khách hàng là tổ chức: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; số điện thoại, số fax; lĩnh vực hoạt động, kinh doanh; thông tin về người thành lập, đại diện cho tổ chức bao gồm các thông tin quy định tại điểm a khoản này. 2. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi: a) Đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi và áp dụng các biện pháp để nhận biết và cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi; b) Đối với khách hàng là pháp nhân hoặc khi cung ứng dịch vụ thỏa thuận ủy quyền, đối tượng báo cáo phải thu thập thông tin về quyền sở hữu và cơ cấu kiểm soát để xác định được cá nhân có lợi ích kiểm soát và chi phối hoạt động của pháp nhân hoặc thỏa thuận ủy quyền đó. 3. Mục đích của khách hàng trong mối quan hệ với đối tượng báo cáo. | **Điều 10. Thông tin nhận biết khách hàng**  Thông tin nhận biết khách hàng phải có các thông tin chính sau đây:  1. Thông tin nhận dạng khách hàng:  a) Đối với khách hàng cá nhân *có một quốc tịch* là:  i) *Người* Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại *liên lạc*, số chứng minh nhân dân*/số căn cước công dân* hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại.  ii) *Người* nước ngoài *cư trú tại Việt Nam*: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; *số* thị thực nhập cảnh (trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật); địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam;  *iii) Người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài;*  b) Đối với khách hàng *cá nhân là người có từ 02 (hai) quốc tịch trở lên, ngoài những thông tin theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này, đối tượng báo cáo phải thu thập bổ sung thông tin về các quốc tịch, các địa chỉ đăng ký cư trú tại các quốc gia mang quốc tịch.*  *c) Đối với khách hàng cá nhân là người không quốc tịch: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; nghề nghiệp, chức vụ; số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế (nếu có); số thị thực (trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật); cơ quan cấp thị thực nhập cảnh; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài (nếu có), địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở Việt Nam;*  *d) Đối với khách hàng* là tổ chức: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; số *giấy phép thành lập hoặc mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế; số* điện thoại *liên lạc*, số fax, địa chỉ trang thông tin điện tử (nếu có); lĩnh vực hoạt động, kinh doanh; thông *tin về người thành lập, người đại diện theo pháp luật của tổ chức bao gồm các thông tin như quy định tại điểm a, b Khoản này.*  *2. Thông tin về chủ* ***s****ở hữu hưởng lợi: Đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi và áp dụng các biện pháp để nhận biết và cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi.*  3. Mục đích *và bản chất của mối quan hệ kinh doanh* của khách hàng *khi thiết lập* với đối tượng báo cáo.  *4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.* | - Khoản 1: sửa đổi, bổ sung một số thông tin nhận biết khách hàng nhằm khắc phục những bất cập trong thực tiễn và phù hợp với quy định tại Luật Quốc tịch; Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.  - Khoản 2: sửa đổi, bổ sung quy định về *“Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi”* theo đó đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi và áp dụng các biện pháp để nhận biết, cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi. Quy định này cũng nhằm đáp ứng được yêu cầu của APG đối với việc tuân thủ Khuyến nghị 10, Khuyến nghị 24 của FATF về việc Việt Nam cần có hướng dẫn đối tượng báo cáo cách thức, biện pháp xác định chủ sở hữu hưởng lợi.  - Khoản 3: bổ sung quy định về “*bản chất của mối quan hệ kinh doanh”* để phù hợp với Khuyến nghị 10.6 của FATF*.*  - Bổ sung Khoản 4 giao *“Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”* để có cơ sở ban hành văn bản hướng dẫn. |
| **Điều 10. Cập nhật thông tin nhận biết khách hàng** Đối tượng báo cáo phải thường xuyên cập nhật thông tin nhận biết khách hàng trong suốt thời gian thiết lập quan hệ với khách hàng; bảo đảm các giao dịch mà khách hàng đang tiến hành thông qua đối tượng báo cáo phù hợp với những thông tin đã biết về khách hàng, về hoạt động kinh doanh, về rủi ro và về nguồn gốc tài sản của khách hàng. | **Điều 11. Cập nhật, *xác minh* thông tin nhận biết khách hàng**  Đối tượng báo cáo phải cập nhật, *xác minh* thông tin nhận biết khách hàng trong thời gian thiết lập quan hệ với khách hàng nhằm đảm bảo:  1. Các giao dịch mà khách hàng đang tiến hành thông qua đối tượng báo cáo phù hợp với những thông tin đã biết về khách hàng, về hoạt động kinh doanh, về rủi ro và về nguồn gốc tài sản của khách hàng;  *2. Tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin thu thập phải phù hợp với các thông tin về khách hàng trong hồ sơ hiện có.* | - Bổ sung cụm từ *“xác minh”* đảm bảo phù hợp với yêu cầu khuyến nghị 10(d) của FATF.  - Bổ sung quy định trách nhiệm của đối tượng báo cáo về thu thập các tài liệu, dữ liệu, thông tin đảm bảo tính chính xác với các hồ sơ hiện có.  Quy định này nhằm đáp ứng yêu cầu của APG đối với việc tuân thủ Khuyến nghị 10, Khuyến nghị 24 của FATF về việc Việt Nam cần đảm bảo tính chính xác của tài liệu, dữ liệu, thông tin mà đối tượng báo cáo thu thập. |
| **Điều 11. Biện pháp xác minh thông tin nhận biết khách hàng** 1. Đối tượng báo cáo sử dụng các tài liệu, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng bao gồm: a) Đối với khách hàng là cá nhân: chứng minh nhân dân, hộ chiếu còn thời hạn sử dụng và các giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp; b) Đối với khách hàng là tổ chức: Giấy phép hoặc quyết định thành lập; quyết định đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng. 2. Đối tượng báo cáo có thể thông qua tổ chức, cá nhân khác đã hoặc đang có quan hệ với khách hàng; hoặc thông qua cơ quan quản lý hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác để thu thập thông tin và đối chiếu với thông tin khách hàng cung cấp. 3. Đối tượng báo cáo có thể thuê các tổ chức khác để xác minh thông tin nhận biết khách hàng. Trường hợp này đối tượng báo cáo phải bảo đảm tổ chức được thuê thực hiện đúng các quy định về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật này và chịu trách nhiệm về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng. | **Điều 12. Biện pháp xác minh thông tin nhận biết khách hàng**  1. Đối tượng báo cáo sử dụng các tài liệu, dữ liệu, để xác minh thông tin nhận biết khách hàng bao gồm:  a) Đối với khách hàng là cá nhân: Chứng minh nhân dân, *căn cước công dân*, hộ chiếu còn thời hạn sử dụng và các giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp;  b) Đối với khách hàng là tổ chức: Giấy phép hoặc quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định về tổ chức lại, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động của tổ chức (nếu có); *điều lệ của tổ chức*; quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng.  2. Đyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng th*bên tht định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê*; hotht định bổ n*Cơ stht định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng.có)hách hàng bao* cơ quan quh bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng.ác thht đ  3. Đối tượng báo cáo có thể thuê các tổ chức khác để xác minh thông tin nhận biết khách hàng. Trường hợp này đối tượng báo cáo phải bảo đảm tổ chức được thuê thực hiện đúng các quy định về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật này và *đối tượng báo cáo* phải chịu trách nhiệm về kết quả nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng. | - Khoản 1: sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Luật Căn cước công dân và Luật Doanh nghiệp.  - Khoản 2:  + Sửa đổi nội dung *“bên thứ ba quy định tại Điều 19 Luật này”* nhằm làm rõ hơn.  + Bổ sung quy định *“*hoặc thông qua *Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các tổ chức được cung ứng dịch vụ định danh, xác thực điện tử”* phù hợp với pháp luật hiện hành về việc chia sẻ thông tin trong CSDL quốc gia về cư dân cho cá nhân, tổ chức.  Quy định này nhằm đáp ứng yêu cầu của APG đối với việc tuân thủ Khuyến nghị 10 về việc đối tượng báo cáo sử dụng nguồn thông tin độc lập đáng tin cậy (giấy tờ, thông tin được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp…); thuê bên thứ ba cung cấp, xác minh thông tin khách hàng. |
| **Điều luật mới** | **Điều 13. Đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo***1. Căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của quốc gia, ngành và lĩnh vực hoạt động của mình, đối tượng báo cáo phải thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để nhận diện và xác định các rủi ro về rửa tiền (đối với khách hàng, quốc gia hoặc khu vực địa lý, các sản phẩm, dịch vụ, giao dịch hoặc kênh phân phối) của đối tượng báo cáo. Kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo phải được cập nhật hàng năm và phải được cấp có thẩm quyền của đối tượng báo cáo phê duyệt, ban hành.*  *2. Đối tượng báo cáo phải xây dựng quy trình quản lý rủi ro nhằm giảm thiểu các rủi ro về rửa tiền đã được nhận diện và xác định tại tổ chức mình. Quy trình quản lý rủi ro phải bao gồm việc phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro, các biện pháp kiểm soát tăng cường đối với các lĩnh vực hoạt động có rủi ro cao về rửa tiền và các biện pháp kiểm soát giảm nhẹ đối với các lĩnh vực hoạt động có rủi ro thấp về rửa tiền.*  *3. Đối tượng báo cáo phải báo cáo kết quả đánh giá rủi ro hoặc cập nhật kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền và các chính sách, quy trình quản lý rủi ro cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền quản lý trực tiếp đối tượng báo cáo trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết quả đánh giá rủi ro hoặc cập nhật kết quả đánh giá rủi ro, chính sách và quy trình quản lý rủi ro được ban hành; đồng thời phải phổ biến trong toàn hệ thống của đối tượng báo cáo các kết quả và chính sách, quy trình này.* | Điều mới bổ sung nhằm tạo nền tảng để triển khai tiếp cận trên cơ sở rủi ro trong công tác PCRT và phù hợp với yêu cầu, thực tiễn triển khai tại các đối tượng báo cáo.  Quy định này nhằm đáp ứng yêu cầu tại khuyến nghị số 1.10. Theo nhận định của APG về tiêu chí này, Việt Nam chưa có quy định đầy đủ về trách nhiệm thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo. |
| **Điều 12. Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro** 1. Đối tượng báo cáo phải xây dựng quy định về phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro theo loại khách hàng, loại sản phẩm, dịch vụ khách hàng sử dụng, nơi cư trú hoặc nơi đặt trụ sở chính của khách hàng. 2. Đối với khách hàng có mức độ rủi ro thấp, đối tượng báo cáo có thể áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng ở mức độ thấp hơn nhưng phải bảo đảm thu thập được đầy đủ thông tin về khách hàng quy định tại Điều 9 của Luật này. 3. Đối với khách hàng, giao dịch có mức độ rủi ro cao quy định tại các điều 13, 14, 15, 16 và 17 của Luật này, ngoài việc thực hiện các biện pháp nhận biết quy định tại Điều 9 của Luật này, đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp đánh giá tăng cường theo quy định của Luật này. 4. Đối với khách hàng, giao dịch khác có mức độ rủi ro cao không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, ngoài việc thực hiện các biện pháp nhận biết quy định tại Điều 9 của Luật này, đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp đánh giá tăng cường theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | ***Điều 14. Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền***  *1. Căn cứ kết quả đánh giá rủi ro quốc gia, ngành, đối tượng báo cáo về rửa tiền, quy trình quản lý rủi ro, thông tin nhận biết, xác minh thông tin khách hàng, đối tượng báo cáo phải thực hiện phân loại khách hàng theo các mức độ rủi ro về rửa tiền.và.*  *2. Đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp tùy thuộc mức độ rủi ro về rửa tiền của khách hàng như sau:*  *a) Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, đối tượng báo cáo có thể thực hiện nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin khách hàng ở mức độ giảm nhẹ;*  *b) Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình, đối tượng báo cáo phải thực hiện nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 9, 10, 11 của Luật này;*  *c) Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền cao (không bao gồm các khách hàng, giao dịch đã được quy định tại các điều 15, 16, 17, 18của Luật này), đối tượng báo cáo phải thực hiện nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 9, 10, 11 của Luật này và thực hiện nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin khách hàng tăng cường.*  *3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết việc thực hiện nhận biết,cập nhật, xác minh thông tin khách hàng ở mức độ tăng cường và giảm nhẹ.* | - Khoản 1: bổ sung để phù hợp với quy định tại Điều 7 về Trách nhiệm thực hiện đánh giá rủi ro rửa tiền.  - Khoản 2: bổ sung quy định về phân loại khách hàng có mức độ rủi ro rửa tiền thấp, trung bình, cao để tạo cơ sở xác lập các mức nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng tương ứng với mức độ rủi ro, nhằm đáp ứng yêu cầu Khuyến nghị số 1, Khuyến nghị 10 và các chú giải khuyến nghị 1, 10. |
| **Điều 13. Khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị** 1. Khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị là người giữ chức vụ cấp cao trong các cơ quan, tổ chức hữu quan của nước ngoài. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo danh sách khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị quy định tại khoản này trên cơ sở khuyến nghị của tổ chức quốc tế về phòng, chống rửa tiền. 2. Đối tượng báo cáo phải có hệ thống quản lý rủi ro để xác định khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị và áp dụng các biện pháp sau đây: a) Xây dựng quy chế kiểm soát nội bộ đối với việc mở tài khoản hoặc thiết lập giao dịch khi khách hàng hoặc chủ sở hữu hưởng lợi được xác định là cá nhân có ảnh hưởng chính trị; b) Thực hiện các biện pháp nhằm nhận biết nguồn gốc tài sản của khách hàng; c) Tăng cường giám sát khách hàng và quan hệ kinh doanh với khách hàng. 3. Đối tượng báo cáo phải áp dụng biện pháp quy định tại khoản 2 Điều này đối với khách hàng là cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại khoản 1 Điều này. | ***Điều 15. Khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị***  1. Khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị là người giữ chức vụ cấp cao trong các cơ quan, tổ chức hữu quan của nước ngoài *và tổ chức quốc tế.*  *2. Đối tượng báo cáo phải:*  *a) Có hệ thống quản lý rủi ro phù hợp nhằm xác định khách hàng hoặc chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân có ảnh hưởng chính trị;*  *b) Được sự chấp thuận của quản lý cấp cao theo quy định nội bộ trước khi thiết lập mối quan hệ kinh doanh với khách hàng là cá nhân có ảnh hưởng chính trị;*  *c) Thực hiện các biện pháp thích hợp để xác minh nguồn gốc tài sản của khách hàng và chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân có ảnh hưởng chính trị và thực hiện giám sát mối quan hệ kinh doanh trong suốt quá trình giao dịch với đối tượng báo cáo.*  *3. Đối tượng báo cáo phải áp dụng biện pháp quy định tại khoản 2 Điều này đối với khách hàng là cá nhân dưới đây:*  *a) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại khoản 1 Điều này.*  *b) Bất kỳ người nào có các mối quan hệ với cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều này, gồm:*  *(i) Đồng chủ sở hữu hưởng lợi của một hoặc nhiều pháp nhân, thỏa thuận pháp lý với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều này;*  *(ii) Chủ sở hữu hưởng lợi của một hoặc nhiều pháp nhân, thỏa thuận pháp lý được thành lập và hoạt động vì lợi ích của cá nhân nêu tại khoản 1 Điều này.* | - Sửa đổi khoản 1 để bổ sung đối tượng khách hàng là cá nhân có ảnh hưởng chính trị của các tổ chức quốc tế.  - Sửa đổi khoản 2, 3 về các quy định cụ thể mà đối tượng báo cáo phải áp dụng để xác định, nhận biết và áp dụng biện pháp tăng cường đối với khách hàng này và những người có liên quan.  Việc sửa đổi này nhằm đáp ứng một phần yêu cầu Khuyến nghị số 12 của FATF về cá nhân có ảnh hưởng chính trị. |
| **Điều 14. Quan hệ ngân hàng đại lý** Đối tượng báo cáo khi thiết lập quan hệ ngân hàng đại lý với ngân hàng đối tác nước ngoài phải áp dụng các biện pháp sau đây: 1. Thu thập thông tin về ngân hàng đối tác để biết đầy đủ về bản chất kinh doanh, uy tín của ngân hàng đối tác và bảo đảm ngân hàng đối tác phải chịu sự giám sát, quản lý của cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài; 2. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp về phòng, chống rửa tiền của ngân hàng đối tác; 3. Phải được sự chấp thuận của Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc người được ủy quyền của đối tượng báo cáo trước khi thiết lập quan hệ ngân hàng đại lý; 4. Trong trường hợp khách hàng của ngân hàng đối tác có thể thanh toán thông qua tài khoản của ngân hàng đối tác mở tại đối tượng báo cáo, đối tượng báo cáo phải bảo đảm ngân hàng đối tác đã thực hiện đầy đủ việc nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng và có khả năng cung cấp thông tin nhận biết khách hàng theo yêu cầu của đối tượng báo cáo. | **Điều 16.** **Quan hệ ngân hàng đại lý**  Đối tượng báo cáo *là tổ chức tài chính* khi thiết lập quan hệ giao đại lý với ngân hàng đối tác nước ngoài phải áp dụng các biện pháp *phù hợp nhằm*:  1. Thu thập thông tin về ngân hàng đối tác để *hiểu* biết đầy đủ về bản chất kinh doanh, uy tín của ngân hàng đối tác và *thông tin giám sát về* ngân hàng đối tác của cơ quan có thẩm quyền *của nước ngoài, trong đó, bao gồm cả thông tin việc ngân hàng đối tác có bị điều tra về rửa tiền hoặc các vi phạm pháp luật khác về phòng, chống rửa tiền.*  2. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp về phòng, chống rửa tiền của ngân hàng đối tác.  *3. Hiểu biết về các trách nhiệm phòng, chống rửa tiền của ngân hàng đối tác trong quan hệ đại lý.*  4. Trong trường hợp khách hàng của ngân hàng đối tác có thể thanh toán thông qua tài khoản của ngân hàng đối tác mở tại đối tượng báo cáo, đối tượng báo cáo phải bảo đảm ngân hàng đối tác đã thực hiện đầy đủ việc nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng và có khả năng cung cấp thông tin nhận biết khách hàng theo yêu cầu của đối tượng báo cáo. *Đối tượng báo cáo phải đảm bảo rằng tài khoản của ngân hàng đối tác mở tại đối tượng báo cáo không được phép sử dụng bởi các ngân hàng vỏ bọc.*  5. Việc thiết lập quan hệ ngân hàng đại lý của đối tượng báo cáo phải được sự chấp thuận của Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc người được Tổng giám đốc (Giám đốc) ủy quyền của đối tượng báo cáo. | Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1, 3, 4 để phù hợp với quy định tại Khuyến nghị 13 của FATF về Hoạt động ngân hàng đại lý và bù đắp những khuyết thiếu trong quy định của pháp luật Việt Nam được nêu tại Báo cáo đánh giá đa phương của APG khi đánh giá tính tuân thủ của Việt Nam trong thực hiện quy định này. |
| **Điều 15. Các giao dịch liên quan tới công nghệ mới** 1. Đối tượng báo cáo phải ban hành quy trình nhằm mục đích sau đây: a) Phát hiện, ngăn chặn việc sử dụng công nghệ mới vào việc rửa tiền; b) Quản lý rủi ro về rửa tiền khi thiết lập giao dịch với khách hàng sử dụng công nghệ mới và không gặp mặt trực tiếp. 2. Quy trình quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm việc cập nhật thông tin khách hàng có hiệu quả như việc cập nhật thông tin khách hàng gặp mặt trực tiếp. | ***Điều 17. Các sản phẩm, dịch vụ sử dụng công nghệ mới***  *1. Khi áp dụng công nghệ mới khác với công nghệ đang sử dụng, đối tượng báo cáo phải nhận diện và đánh giá mức độ rủi ro về rửa tiền đối với các sản phẩm, dịch vụ sử dụng công nghệ mới hiện có và trước khi đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.*  2. Đối tượng báo cáo phải ban hành chính sách, quy trình *về quản lý rủi ro* nhằm mục đích sau đây:  a) Phát hiện, ngăn chặn việc *sử dụng các sản phẩm, dịch vụ* sử dụng công nghệ mới vào việc rửa tiền;  b) Quản lý rủi ro về rửa tiền khi thiết lập giao dịch với khách hàng sử dụng *các sản phẩm, dịch vụ sử dụng* công nghệ mới;  *c) Áp dụng các biện pháp cần thiết để giảm thiểu rủi ro về rửa tiền.* | - Sửa đổi tên điều và nội dung khoản 1 để phù hợp với thực tế triển khai, áp dụng công nghệ mới trong phát triển các sản phẩm, dịch vụ tại các tổ chức báo cáo nhằm giảm thiểu rủi ro vì đây là loại hình sản phẩm, dịch vụ tiềm ẩn rủi ro về rửa tiền. Quy định này cũng nhằm đáp ứng yêu cầu khuyến nghị số 15 của FATF về Công nghệ mới.  - Sửa đổi khoản 2 đảm bảo rõ ràng. |
| **Điều 16. Giám sát đặc biệt một số giao dịch** 1. Đối tượng báo cáo phải giám sát đặc biệt đối với các giao dịch sau đây: a) Giao dịch với giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp; b) Giao dịch với tổ chức, cá nhân tại quốc gia, vùng lãnh thổ nằm trong danh sách do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố nhằm chống rửa tiền hoặc danh sách cảnh báo. 2. Đối tượng báo cáo phải kiểm tra cơ sở pháp lý và mục đích của giao dịch; trường hợp có nghi ngờ về tính trung thực, mục đích của giao dịch, đối tượng báo cáo phải lập báo cáo về giao dịch đáng ngờ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và có thể từ chối giao dịch đó. | **Điều 18. Giám sát đặc biệt một số giao dịch**  1. Đối tượng báo cáo phải giám sát đặc biệt đối với các giao dịch với tổ chức, cá nhân tại quốc gia, vùng lãnh thổ nằm trong danh sách do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố nhằm chống rửa tiền hoặc danh sách cảnh báo.  2. Đối tượng báo cáo phải *thực hiện*:  *a) Các biện pháp tăng cường cập nhật thông tin khách hàng phù hợp với mức độ rủi ro về rửa tiền;*  b) Kiểm tra thông tin và mục đích của giao dịch, trường hợp có nghi ngờ về tính *chính xác*, mục đích của giao dịch, đối tượng báo cáo phải xem xét báo cáo giao dịch đáng ngờ và có thể từ chối giao dịch đó. | - Sửa đổi nhằm đáp ứng khuyến nghị số 19 của FATF về “Các quốc gia có rủi ro cao”, phù hợp với định hướng xây dựng Luật PCRT sửa đổi (chính sách 3) về hoàn thiện các quy định về các biện pháp phòng ngừa áp dụng đối với đối tượng báo cáo. Cụ thể:  + Khoản 1: bỏ quy định giám sát đặc biệt đối với *“giao dịch với giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp”* vì nội dung này đã được quy định tại Điều 12.  + Khoản 2: bổ sung quy định yêu cầu đối tượng báo cáo phải thực hiện các biện pháp tăng cường cập nhật thông tin khách hàng phù hợp với mức độ rủi ro nhằm đáp ứng yêu cầu Khuyến nghị 19 của FATF. |
| **Điều 17. Hoạt động kinh doanh qua giới thiệu** 1. Khi tiến hành hoạt động kinh doanh qua giới thiệu, đối tượng báo cáo có thể nhận biết khách hàng thông qua bên trung gian và bảo đảm các yêu cầu sau đây: a) Bên trung gian phải thu thập, lưu giữ và cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin nhận biết khách hàng cho đối tượng báo cáo khi được yêu cầu; b) Bên trung gian tuân thủ các yêu cầu về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật này hoặc khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính trong trường hợp bên trung gian là tổ chức nước ngoài; c) Bên trung gian phải là đối tượng chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan có thẩm quyền. 2. Việc nhận biết khách hàng thông qua bên trung gian không loại trừ trách nhiệm của đối tượng báo cáo trong việc nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng. | ***Đi. Việc nhận biết khách hàng thông qua bên trung gian không loại trừ tr****1. ĐViệc nhận biết khách hàng thông qua bên trung gian không loại trừ trách nhiệm của đối tượng báo cáo trong việc nhận biết, cập nhật thông a) Bên thnhận biết khách hàyêu cầu về nhận biết, xác minh thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Luật này hoặc khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính trong trường hợp bên thứ ba là tổ chức nước ngoài;*  *b) Bên thnhận biết khách hàyêu cầu về nhận bin và cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin nhận biết, xác minh khách hàng cho đối tượng báo cáo khi được yêu cầu; thực hiện bảo mật thông tin khách hàng theo quy định pháp luật;*  *c) Bên thnhận biết khách hàyêu cầu về nhận bin và cung cấp kịp thời, đầy đủ m quyền.*  *2. Trong trưn biết khách hàyêu cầu về nhận bin và cung cấp kịp thời, đầy đủ m quyền.g tin nhận biết, xác minh khách hàng cho đối tượng báo cáoa) Các yêu cn biết khách hàyêu cầu về nhận bin và cung cấp kịp thời, đầy đủ m quyền.g tin nhận biết, xác ch hàng là cá nhân có ảnh hưởng chính tr Các yêu cn biết khách hàyêu cầu về nhận bin và cung cấp kịp thời, đầy đủ m quyền.g tin nhận biết, xác ch hàng là cá nhân có ảnh hưởng chính khi được yêu cầu; thực hiện bảo mật thông tin khách hàngb) Vic yêu cn biết yêu cầu về nhận biết, xác minh thông tin khách hàng và lưu trữ hồ sơ giao dịch phải được giám sát ở cấp tập đoàn;*  *c) Có các chính sách gi cầu về nhận biết, xác minh thông tin khách hàng và 3. Việc nhận biết, xác minh thông tin khách hàng thông qua bên thứ ba không loại trừ trách nhiệm của đối tượng báo cáo trong việc nhận biết, xác minh thông tin khách hàng.* | Điều này được sửa đổi để đáp ứng yêu cầu khuyến nghị số 17 của FATF về “Dựa vào bên thứ ba”. Ngoài ra, bổ sung các quy định tại khoản 2 về trách nhiệm của bên thứ 3 trong trường hợp bên thứ 3 là tổ chức tài chính và là công ty con của công ty mẹ là tổ chức tài chính. |
| **Điều 18. Bảo đảm tính minh bạch của pháp nhân và thỏa thuận ủy quyền** 1. Sở giao dịch chứng khoán phải lưu giữ và cập nhật thông tin cơ bản về cơ cấu tổ chức, người sáng lập, chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp niêm yết. 2. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải lưu giữ và cập nhật thông tin cơ bản về cơ cấu tổ chức, người sáng lập, chủ sở hữu hưởng lợi của các doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. 3. Tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ pháp lý về soạn thảo thỏa thuận ủy quyền cho khách hàng phải lưu giữ, duy trì và cập nhật thông tin về thỏa thuận ủy quyền và chủ sở hữu hưởng lợi theo thỏa thuận đó. 4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ về phòng, chống rửa tiền có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này cung cấp thông tin. | ***Điều 20. Minh bạch thông tin của pháp nhân***  *1. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan cấp phép thành lập, hoạt động cho pháp nhân phải cập nhật, lưu giữ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân; thông tin cơ bản của pháp nhân bao gồm: tên và loại hình pháp nhân, quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, tình trạng pháp lý, địa chỉ đặt trụ sở chính, cơ cấu tổ chức quản lý (bao gồm cả danh sách người quản lý pháp nhân), điều lệ..*  *Các thông tin nêu trên phải lưu trữ tối thiểu 05 năm sau ngày pháp nhân chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.*  *2. Pháp nhân có trách nhiệm thu thập, cập nhật, lưu trữ thông tin nêu tại khoản 1 và cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.*  3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ về phòng, chống rửa tiền có quyền yêu cầu tổ chức quy định tại các khoản 1, 2 Điều này cung cấp thông tin. | Sửa đổi Điều này nhằm đáp ứng khuyến nghị số 24 của FATF về “Tính minh bạch và quyền sở hữu hưởng lợi của pháp nhân”.  Cụ thể:  + Sửa tên điều *"Minh bạch thông tin của pháp nhân".*  + Sửa khoản 1 yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan cấp phép thành lập, hoạt động cho pháp nhân phải cập nhật và lưu trữ thông tin cơ bản, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi nhằm đáp ứng tiêu chí 24.6, 24.7, 24.9 Khuyến nghị 24.  + Sửa đổi, bổ sung khoản 2 yêu cầu pháp nhân phải thu thập, cập nhật và lưu trữ thông tin cơ bản, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi nhằm đáp ứng tiêu chí 24.4, 24.6, 24.9. |
| **Điều luật mới** | ***Điều 21. Minh bạch thông tin của thỏa thuận pháp lý***  *1. Trách nhiệm của người nhận uỷ thác là tổ chức, cá nhân trong thỏa thuận pháp lý:*  *a) Thu thập, cập nhật các thông tin về bên ủy thác, bên nhận ủy thác, người thụ hưởng, các bên liên quan (nếu có) và cá nhân có quyền kiểm soát cuối cùng đối với ủy thác và có trách nhiệm cung cấp các thông tin này cho các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; các thông tin phải được lưu trữ ít nhất 05 (năm) năm sau khi ngừng tham gia vào hoạt động ủy thác;*  *b) Cung cấp cho tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan các thông tin quy định tại điểm a khoản này và văn bản uỷ thác khi thiết lập mối quan hệ khách hàng với tổ chức nêu trên liên quan đến tài sản được uỷ thác.*  *2. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan phải thực hiện nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Luật này đối với những cá nhân, tổ chức liên quan đến uỷ thác theo quy định tại khoản 1 Điều này.*  *3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ về phòng, chống rửa tiền có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1, 2 Điều này cung cấp thông tin.* | Điều mới *“Minh bạch thông tin của thỏa thuận pháp lý”* nhằm đáp ứng yêu cầu tại Khuyến nghị 25 của FATF về “Tính minh bạch và quyền sở hữu hưởng lợi của thỏa thuận pháp lý”. Cụ thể:  + Điểm a Khoản 1 quy định yêu cầu người nhận ủy thác là cá nhân, tổ chức trong thỏa thuận pháp lý phải thu thập, cập nhật và lưu giữ thông tin về các bên tham gia ủy thác, cá nhân có quyền kiểm soát cuối cùng đối với ủy thác và cung cấp thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu nhằm đáp ứng tiêu chí 25.1a,b, 25.2, 25.4.  + Điểm b Khoản 1 quy định yêu cầu người nhận ủy thác khai báo với tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan thông tin về tham gia thỏa thuận pháp lý khi thiết lập mối quan hệ với tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính nhằm đáp ứng tiêu chí 25.3 và các thiếu hụt được đánh giá tại tiêu chí 25.3.  + Khoản 2 quy định trách nhiệm của tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan phải thực hiện nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý nhằm đáp ứng tiêu chí 10.9 Khuyến nghị 10.  + Khoản 3 quy định thẩm quyền của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc yêu cầu tổ chức, cá nhân nhận ủy thác cung cấp thông tin nhằm đáp ứng tiêu chí 25.5. |
| **Điều 19. Bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động của tổ chức phi lợi nhuận** 1. Các tổ chức phi lợi nhuận được thành lập hoặc hoạt động tại Việt Nam phải duy trì, cập nhật hồ sơ có đầy đủ các thông tin về tổ chức, cá nhân tài trợ; tổ chức, cá nhân tiếp nhận tài trợ; số tiền tài trợ và mục đích sử dụng tiền tài trợ. 2. Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này phải được lưu trữ đầy đủ và cung cấp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu. | **Điều 22. Bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động của tổ chức phi lợi nhuận**  *1. Tổ chức phi lợi nhuận là pháp nhân hoặc tổ chức có hoạt động chính là huy động hoặc phân bổ vốn cho các mục đích từ thiện, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, xã hội hoặc mục đích tương tự, không vì mục đích lợi nhuận, bao gồm: Tổ chức phi chính phủ nước ngoài, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.*  *2. Các tổ chức phi lợi nhuận được thành lập hoặc hoạt động tại Việt Nam phải duy trì, cập nhật hồ sơ có đầy đủ các thông tin:*  *a) Thông tin về tổ chức, cá nhân tài trợ, ít nhất bao gồm: Tên đầy đủ; địa chỉ; số tiền tài trợ;*  *b) Thông tin về tổ chức, cá nhân tiếp nhận tài trợ ít nhất bao gồm: Tên đầy đủ; địa chỉ; số tiền tài trợ; phương thức tài trợ và mục đích sử dụng tiền tài trợ.*  *3. Tổ chức phi lợi nhuận phải lưu giữ ít nhất 05 (năm) năm kể từ thời điểm hoạt động tài trợ hoặc tiếp nhận tài trợ kết thúc đối với:*  *a) Thông tin được quy định tại Khoản 2 Điều này;*  *b) Chứng từ, tài liệu liên quan tới việc tài trợ và tiếp nhận tài trợ.*  *4. Trường hợp tổ chức phi lợi nhuận giải thể hoặc kết thúc hoạt động, hồ sơ nêu tại Khoản 3 Điều này phải được bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập hoặc hoạt động đối với tổ chức phi lợi nhuận đó.*  *5. Tổ chức phi lợi nhuận có trách nhiệm cung cấp hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều này cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm: Cơ quản quản lý tổ chức phi lợi nhuận trong hoạt động thanh tra, giám sát; cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; cơ quan có thẩm quyền trong việc điều tra, truy tố, xét xử.*  *6. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý đối với tổ chức phi lợi nhuận được quy định tại Khoản 3, 4 Điều này bao gồm: Bộ Nội vụ (đối với tổ chức phi lợi nhuận trong nước); Bộ Ngoại giao (đối với tổ chức phi lợi nhuận nước ngoài).* | Đưa các nội dung đã được quy định chi tiết tại Nghị định 116/2013/NĐ-CP vào dự thảo Luật. |
| **Điều 20. Xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền** 1. Căn cứ vào các quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, đối tượng báo cáo phải ban hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền với những nội dung chính sau đây: a) Chính sách chấp nhận khách hàng; b) Quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng; c) Giao dịch phải báo cáo; d) Quy trình rà soát, phát hiện, xử lý và báo cáo giao dịch đáng ngờ; cách thức giao tiếp với khách hàng thực hiện giao dịch đáng ngờ; đ) Lưu giữ và bảo mật thông tin; e) Áp dụng biện pháp tạm thời, nguyên tắc xử lý trong các trường hợp trì hoãn thực hiện giao dịch; g) Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; h) Bồi dưỡng nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền; i) Kiểm soát và kiểm toán nội bộ việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình và thủ tục liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền; trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền. 2. Nội dung quy định nội bộ phải bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý có hiệu quả các hoạt động có nghi ngờ liên quan tới rửa tiền; phù hợp cơ cấu tổ chức, quy mô hoạt động và mức độ rủi ro về rửa tiền trong hoạt động của đối tượng báo cáo và phải được phổ biến đến từng cá nhân, bộ phận có liên quan của đối tượng báo cáo. 3. Đối tượng báo cáo phải thường xuyên đánh giá quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền để sửa đổi, bổ sung phù hợp. | **Điều 23. Xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền**  1. Đối tượng báo cáo phải ban hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền với những nội dung chính sau đây:  *a) Chính sách chấp nhận khách hàng, bao gồm cả việc từ chối mở tài khoản, thiết lập mối quan hệ kinh doanh, thực hiện giao dịch hoặc chấm dứt mối quan hệ kinh doanh với khách hàng khi đối tượng báo cáo không thể hoàn thành việc nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin khách hàng do khách hàng từ chối cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ và phải xem xét báo cáo giao dịch đáng ngờ;*  b) Quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng;  *c) Chính sách, quy trình quản lý rủi ro;*  d) Giao dịch phải báo cáo;  đ) Quy trình rà soát, phát hiện, xử lý và báo cáo giao dịch đáng ngờ; cách thức giao tiếp với khách hàng thực hiện giao dịch đáng ngờ;  e) Lưu giữ và bảo mật thông tin;  g) Áp dụng biện pháp tạm thời, nguyên tắc xử lý trong các trường hợp trì hoãn thực hiện giao dịch;  h) Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;  i) *Tuyển dụng nhân sự; đào tạo,* bồi dưỡng nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền;  k) Kiểm soát và kiểm toán nội bộ việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình và thủ tục liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền; trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.  2. Nội dung quy định nội bộ phải bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hoạt động có nghi ngờ liên quan tới rửa tiền; phù hợp cơ cấu tổ chức, quy mô hoạt động và mức độ rủi ro về rửa tiền trong hoạt động của đối tượng báo cáo và phải được *áp dụng*, phổ biến đến *đại lý, chi nhánh, công ty con,* cá nhân, bộ phận có liên quan của đối tượng báo cáo.  3. *Hàng năm,* đối tượng báo cáo phải đánh giá quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền để sửa đổi, bổ sung phù hợp.  4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết Điều này. | Sửa đổi Điều này nhằm đáp ứng yêu cầu tại Khuyến nghị 18 của FATF về “Kiểm soát nội bộ và các chi nhánh, công ty con ở nước ngoài”. Cụ thể:  + Sửa đổi điểm a khoản 1 và khoản 2 để đáp ứng yêu cầu của KN 18 FATF.  + Bổ sung quy định yêu cầu đối tượng báo cáo phải ban hành quy định nội bộ có nội dung *“Chính sách, quy trình quản lý rủi ro”* phù hợp với các quy định mới tại luật này yêu cầu đối tượng báo cáo thực hiện dánh giá rủi ro về rửa tiền.  + Bổ sung quy định đối tượng báo cáo phải ban hành quy định về “Tuyển dụng nhân sự; đào tạo, …” để đáp ứng yêu cầu KN 18.1 của FATF.  + Quy định cụ thể đối tượng báo cáo phải *“hàng năm”* đánh giá quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền để sửa đổi, bổ sung phù hợp.  + Bổ sung khoản 4 giao NHNN hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Điều này. |
| **Điều 21. Báo cáo giao dịch có giá trị lớn** 1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi thực hiện các giao dịch có giá trị lớn. 2. Theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ quy định mức giá trị của giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ. | **Điều 24. Báo cáo giao dịch tiền mặt có giá trị lớn**  1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo *Cục phòng, chống rửa tiền* khi thực hiện các giao dịch tiền mặt có giá trị lớn.  2. Theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ quy định mức giao dịch tiền mặt có giá trị lớn phải báo cáo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ. | Sửa từ ngữ thống nhất với khoản 7 Điều 4; bổ sung quy định đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo giao dịch có giá trị lớn cho Cục Phòng, chống rửa tiền để phù hợp với thực tiễn triển khai thực hiện việc gửi báo cáo và tiếp nhận báo cáo giao dịch có giá trị lớn. |
| **Điều 22. Báo cáo giao dịch đáng ngờ** 1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi nghi ngờ hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch có nguồn gốc do phạm tội mà có hoặc liên quan tới rửa tiền. Báo cáo giao dịch đáng ngờ được thực hiện theo mẫu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. 2. Các dấu hiệu đáng ngờ cơ bản bao gồm: a) Khách hàng cung cấp thông tin nhận biết khách hàng không chính xác, không đầy đủ, không nhất quán; b) Khách hàng thuyết phục đối tượng báo cáo không báo cáo giao dịch cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; c) Không thể xác định được khách hàng theo thông tin khách hàng cung cấp hoặc giao dịch liên quan đến một bên không xác định được danh tính; d) Số điện thoại cá nhân hoặc cơ quan do khách hàng cung cấp không thể liên lạc được hoặc không có số này sau khi mở tài khoản hoặc thực hiện giao dịch; đ) Các giao dịch được thực hiện theo lệnh hoặc theo uỷ quyền của tổ chức, cá nhân có trong danh sách cảnh báo; e) Các giao dịch mà qua thông tin nhận biết khách hàng hoặc qua xem xét về cơ sở kinh tế và pháp lý của giao dịch có thể xác định được mối liên hệ giữa các bên tham gia giao dịch với các hoạt động phạm tội hoặc có liên quan tới tổ chức, cá nhân có trong danh sách cảnh báo; g) Các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch với số tiền lớn không phù hợp với thu nhập, hoạt động kinh doanh của tổ chức, cá nhân này; h) Giao dịch của khách hàng thực hiện thông qua đối tượng báo cáo không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. 3. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm: a) Có sự thay đổi đột biến trong doanh số giao dịch trên tài khoản; tiền gửi vào và rút ra nhanh khỏi tài khoản; doanh số giao dịch lớn trong ngày nhưng số dư tài khoản rất nhỏ hoặc bằng không; b) Các giao dịch chuyển tiền có giá trị nhỏ từ nhiều tài khoản khác nhau về một tài khoản hoặc ngược lại trong một thời gian ngắn; tiền được chuyển qua nhiều tài khoản; các bên liên quan không quan tâm đến phí giao dịch; thực hiện nhiều giao dịch, mỗi giao dịch gần mức giá trị lớn phải báo cáo; c) Sử dụng thư tín dụng và các phương thức tài trợ thương mại khác có giá trị lớn, tỷ lệ chiết khấu với giá trị cao so với bình thường; d) Khách hàng mở nhiều tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ở khu vực địa lý khác nơi khách hàng cư trú, làm việc hoặc có hoạt động kinh doanh; đ) Tài khoản của khách hàng không giao dịch trên một năm, giao dịch trở lại mà không có lý do hợp lý; tài khoản của khách hàng không giao dịch đột nhiên nhận được một khoản tiền gửi hoặc chuyển tiền có giá trị lớn; e) Chuyển số tiền lớn từ tài khoản của doanh nghiệp ra nước ngoài sau khi nhận được nhiều khoản tiền nhỏ được chuyển vào bằng chuyển tiền điện tử, séc, hối phiếu; g) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển tiền ra nước ngoài ngay sau khi nhận được vốn đầu tư hoặc chuyển tiền ra nước ngoài không phù hợp với hoạt động kinh doanh; doanh nghiệp nước ngoài chuyển tiền ra nước ngoài ngay sau khi nhận được tiền từ nước ngoài chuyển vào tài khoản mở tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam; h) Khách hàng thường xuyên đổi tiền có mệnh giá nhỏ sang mệnh giá lớn; i) Giao dịch gửi tiền, rút tiền hay chuyển tiền được thực hiện bởi tổ chức hoặc cá nhân liên quan đến tội phạm tạo ra tài sản bất hợp pháp đã được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng; k) Khách hàng yêu cầu vay số tiền tối đa được phép trên cơ sở bảo đảm bằng hợp đồng bảo hiểm đóng phí một lần ngay sau khi thanh toán phí bảo hiểm, trừ trường hợp tổ chức tín dụng yêu cầu; l) Thông tin về nguồn gốc tài sản sử dụng để tài trợ, đầu tư, cho vay, cho thuê tài chính hoặc uỷ thác đầu tư của khách hàng không rõ ràng, minh bạch;  m) Thông tin về nguồn gốc tài sản bảo đảm của khách hàng xin vay vốn không rõ ràng, minh bạch. 4. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm bao gồm: a) Khách hàng yêu cầu mua một hợp đồng bảo hiểm có giá trị lớn hoặc yêu cầu thanh toán trọn gói phí bảo hiểm một lần đối với các sản phẩm bảo hiểm không áp dụng hình thức thanh toán trọn gói, trong khi những hợp đồng bảo hiểm hiện tại của khách hàng chỉ có giá trị nhỏ và thanh toán định kỳ; b) Khách hàng yêu cầu ký kết hợp đồng bảo hiểm với khoản phí bảo hiểm định kỳ không phù hợp với thu nhập hiện tại của khách hàng hoặc yêu cầu mua hợp đồng bảo hiểm liên quan đến công việc kinh doanh nằm ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của khách hàng; c) Người mua hợp đồng bảo hiểm và thanh toán từ tài khoản không phải là tài khoản của mình hoặc bằng các công cụ chuyển nhượng không ghi tên; d) Khách hàng yêu cầu thay đổi người thụ hưởng đã chỉ định hoặc bằng người không có mối quan hệ rõ ràng với người mua hợp đồng bảo hiểm; đ) Khách hàng chấp nhận tất cả các điều kiện bất lợi không liên quan đến tuổi tác, sức khỏe của mình; khách hàng đề nghị mua bảo hiểm với mục đích không rõ ràng và miễn cưỡng cung cấp lý do tham gia bảo hiểm; điều kiện và giá trị hợp đồng bảo hiểm mâu thuẫn với nhu cầu của khách hàng; e) Khách hàng hủy hợp đồng bảo hiểm ngay sau khi mua và yêu cầu chuyển tiền cho bên thứ ba; khách hàng thường xuyên tham gia bảo hiểm và nhượng lại hợp đồng bảo hiểm cho bên thứ ba; g) Khách hàng là doanh nghiệp có số lượng hợp đồng bảo hiểm cho nhân viên hoặc mức phí bảo hiểm của hợp đồng đóng phí một lần tăng bất thường; h) Doanh nghiệp bảo hiểm thường xuyên chi trả bảo hiểm với số tiền lớn cho cùng một khách hàng. 5. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm: a) Giao dịch mua, bán chứng khoán có dấu hiệu bất thường trong một ngày hoặc một số ngày do một tổ chức hoặc một cá nhân thực hiện; b) Khách hàng thực hiện chuyển nhượng chứng khoán ngoài hệ thống mà không có lý do hợp lý; c) Công ty chứng khoán chuyển tiền không phù hợp với các hoạt động kinh doanh chứng khoán; d) Người không cư trú chuyển số tiền lớn từ tài khoản giao dịch chứng khoán ra khỏi Việt Nam; đ) Khách hàng thường xuyên bán danh mục đầu tư và đề nghị công ty chứng khoán thanh toán bằng tiền mặt hoặc séc; e) Khách hàng đầu tư bất thường vào nhiều loại chứng khoán bằng tiền mặt hoặc séc trong khoảng thời gian ngắn hoặc sẵn sàng đầu tư vào các danh mục chứng khoán không có lợi; g) Tài khoản chứng khoán của khách hàng không hoạt động trong một thời gian dài nhưng đột nhiên được đầu tư lớn không phù hợp với khả năng tài chính của khách hàng; h) Giao dịch mua, bán chứng khoán có nguồn tiền từ các quỹ đầu tư được mở ở các vùng lãnh thổ được các tổ chức quốc tế xếp loại là có nguy cơ rửa tiền cao. 6. Dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực trò chơi có thưởng, casino bao gồm: a) Khách hàng có dấu hiệu liên tục cố tình thua tại casino; b) Khách hàng đổi số lượng đồng tiền quy ước có giá trị lớn tại casino, điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng nhưng không tham gia chơi hoặc chơi với số lượng rất nhỏ sau đó đổi lại thành tiền mặt hoặc séc, hối phiếu ngân hàng hoặc chuyển tiền đến tài khoản khác; c) Khách hàng yêu cầu chuyển tiền thắng cược, trúng thưởng cho bên thứ ba không có mối quan hệ rõ ràng với khách hàng hoặc khi bên thứ ba không có nơi thường trú cùng với khách hàng; d) Khách hàng bổ sung tiền mặt hoặc séc vào số tiền thắng cược, trúng thưởng và yêu cầu casino, điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng chuyển thành séc có giá trị lớn; đ) Khách hàng nhiều lần trong một ngày yêu cầu casino, điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng đổi số lượng đồng tiền quy ước thành tiền mặt; e) Khách hàng nhiều lần trong một ngày yêu cầu bên thứ ba đổi hộ số lượng đồng tiền quy ước có giá trị lớn và nhờ bên thứ ba chơi cá cược hộ; g) Khách hàng nhiều lần trong một ngày mua vé xổ số, vé đặt cược, đổi đồng tiền quy ước ở gần mức giới hạn giao dịch có giá trị lớn; h) Khách hàng mua lại vé số trúng thưởng có giá trị lớn từ người khác. 7. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản bao gồm: a) Các giao dịch bất động sản là giao dịch ủy quyền nhưng không có cơ sở pháp lý; b) Khách hàng không quan tâm đến giá bất động sản, phí giao dịch phải trả; c) Khách hàng không cung cấp được các thông tin liên quan tới bất động sản hoặc không muốn cung cấp bổ sung thông tin về nhân thân; d) Giá thỏa thuận giữa các bên giao dịch không phù hợp giá thị trường. 8. Trong thực tế hoạt động, nếu phát hiện dấu hiệu đáng ngờ ngoài các dấu hiệu cơ bản nêu trên, đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Căn cứ yêu cầu của công tác phòng, chống rửa tiền, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ quy định bổ sung các dấu hiệu đáng ngờ tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này. | **Điều 25. Báo cáo giao dịch đáng ngờ**  1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo *Cục Phòng, chống rửa tiền* khi nghi ngờ hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch có nguồn gốc do phạm tội mà có hoặc liên quan tới rửa tiền.  2. Các dấu hiệu đáng ngờ cơ bản bao gồm:  a) Khách hàng cung cấp thông tin nhận biết khách hàng không chính xác, không đầy đủ, không nhất quán;  b) Khách hàng thuyết phục đối tượng báo cáo không báo cáo giao dịch cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;  c) Không thể xác định được khách hàng theo thông tin khách hàng cung cấp hoặc giao dịch liên quan đến một bên không xác định được danh tính;  d) Số điện thoại cá nhân hoặc cơ quan do khách hàng cung cấp không thể liên lạc được hoặc không có số này sau khi mở tài khoản hoặc thực hiện giao dịch;  đ) Các giao dịch được thực hiện theo lệnh hoặc theo uỷ quyền của tổ chức, cá nhân có trong danh sách cảnh báo;  e) Các giao dịch mà qua thông tin nhận biết khách hàng hoặc qua xem xét về cơ sở kinh tế và pháp lý của giao dịch có thể xác định được mối liên hệ giữa các bên tham gia giao dịch với các hoạt động phạm tội hoặc có liên quan tới tổ chức, cá nhân có trong danh sách cảnh báo;  g) Các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch với số tiền lớn không phù hợp với thu nhập, hoạt động kinh doanh của tổ chức, cá nhân này;  h) Giao dịch của khách hàng thực hiện thông qua đối tượng báo cáo không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.  3. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm:  a) Có sự thay đổi đột biến trong doanh số giao dịch trên tài khoản; tiền gửi vào và rút ra nhanh khỏi tài khoản; doanh số giao dịch lớn trong ngày nhưng số dư tài khoản rất nhỏ hoặc bằng không;  b) Các giao dịch chuyển tiền có giá trị nhỏ từ nhiều tài khoản khác nhau về một tài khoản hoặc ngược lại trong một thời gian ngắn; tiền được chuyển qua nhiều tài khoản; các bên liên quan không quan tâm đến phí giao dịch; thực hiện nhiều giao dịch, mỗi giao dịch gần mức giá trị lớn phải báo cáo;  c) Sử dụng thư tín dụng và các phương thức tài trợ thương mại khác có giá trị lớn, tỷ lệ chiết khấu với giá trị cao so với bình thường;  d) Khách hàng mở nhiều tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ở khu vực địa lý khác nơi khách hàng cư trú, làm việc hoặc có hoạt động kinh doanh;  đ) Tài khoản của khách hàng không giao dịch trên một năm, giao dịch trở lại mà không có lý do hợp lý; tài khoản của khách hàng không giao dịch đột nhiên nhận được một khoản tiền gửi hoặc chuyển tiền có giá trị lớn;  e) Chuyển số tiền lớn từ tài khoản của doanh nghiệp ra nước ngoài sau khi nhận được nhiều khoản tiền nhỏ được chuyển vào bằng chuyển tiền điện tử, séc, hối phiếu;  g) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển tiền ra nước ngoài ngay sau khi nhận được vốn đầu tư hoặc chuyển tiền ra nước ngoài không phù hợp với hoạt động kinh doanh; doanh nghiệp nước ngoài chuyển tiền ra nước ngoài ngay sau khi nhận được tiền từ nước ngoài chuyển vào tài khoản mở tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;  h) Khách hàng thường xuyên đổi tiền có mệnh giá nhỏ sang mệnh giá lớn;  i) Giao dịch gửi tiền, rút tiền hay chuyển tiền được thực hiện bởi tổ chức hoặc cá nhân liên quan đến tội phạm tạo ra tài sản bất hợp pháp đã được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng;  k) Khách hàng yêu cầu vay số tiền tối đa được phép trên cơ sở bảo đảm bằng hợp đồng bảo hiểm đóng phí một lần ngay sau khi thanh toán phí bảo hiểm, trừ trường hợp tổ chức tín dụng yêu cầu;  l) Thông tin về nguồn gốc tài sản sử dụng để tài trợ, đầu tư, cho vay, cho thuê tài chính hoặc uỷ thác đầu tư của khách hàng không rõ ràng, minh bạch;  m) Thông tin về nguồn gốc tài sản bảo đảm của khách hàng xin vay vốn không rõ ràng, minh bạch;  *n) Nghi ngờ hoặc có dấu hiệu nghi ngờ sử dụng tài khoản cá nhân để thực hiện giao dịch liên quan đến hoạt động công ty hoặc giao dịch giúp cho đối tượng cá nhân khác.*  4. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm bao gồm:  a) Khách hàng yêu cầu mua một hợp đồng bảo hiểm có giá trị lớn hoặc yêu cầu thanh toán trọn gói phí bảo hiểm một lần đối với các sản phẩm bảo hiểm không áp dụng hình thức thanh toán trọn gói, trong khi những hợp đồng bảo hiểm hiện tại của khách hàng chỉ có giá trị nhỏ và thanh toán định kỳ;  b) Khách hàng yêu cầu ký kết hợp đồng bảo hiểm với khoản phí bảo hiểm định kỳ không phù hợp với thu nhập hiện tại của khách hàng hoặc yêu cầu mua hợp đồng bảo hiểm liên quan đến công việc kinh doanh nằm ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của khách hàng;  c) Bên mua hợp đồng bảo hiểm thanh toán phí bảo hiểm từ tài khoản không phải là tài khoản của Bên mua hợp đồng bảo hiểm, tài khoản của tổ chức, cá nhân được Bên mua hợp đồng bảo hiểm ủy quyền; hoặc bằng các công cụ chuyển nhượng không ghi tên;  d) Khách hàng yêu cầu thay đổi người thụ hưởng đã chỉ định hoặc bằng người không có mối quan hệ rõ ràng với người mua hợp đồng bảo hiểm;  đ) Khách hàng chấp nhận tất cả các điều kiện bất lợi không liên quan đến tuổi tác, sức khỏe của mình; khách hàng đề nghị mua bảo hiểm với mục đích không rõ ràng và miễn cưỡng cung cấp lý do tham gia bảo hiểm; điều kiện và giá trị hợp đồng bảo hiểm mâu thuẫn với nhu cầu của khách hàng;  e) Khách hàng hủy hợp đồng bảo hiểm ngay sau khi mua và yêu cầu chuyển tiền cho bên thứ ba; khách hàng thường xuyên tham gia bảo hiểm và nhượng lại hợp đồng bảo hiểm cho bên thứ ba;  g) Khách hàng là doanh nghiệp có số lượng hợp đồng bảo hiểm cho nhân viên hoặc mức phí bảo hiểm của hợp đồng đóng phí một lần tăng bất thường;  h) Doanh nghiệp bảo hiểm thường xuyên chi trả bảo hiểm với số tiền lớn cho cùng một khách hàng.  5. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm:  a) Giao dịch mua, bán chứng khoán có dấu hiệu bất thường trong một ngày hoặc một số ngày do một tổ chức hoặc một cá nhân thực hiện;  b) Khách hàng thực hiện chuyển nhượng chứng khoán ngoài hệ thống mà không có lý do hợp lý;  c) Công ty chứng khoán chuyển tiền không phù hợp với các hoạt động kinh doanh chứng khoán;  d) Người không cư trú chuyển số tiền lớn từ tài khoản giao dịch chứng khoán ra khỏi Việt Nam;  đ) Khách hàng thường xuyên bán danh mục đầu tư và đề nghị công ty chứng khoán thanh toán bằng tiền mặt hoặc séc;  e) Khách hàng đầu tư bất thường vào nhiều loại chứng khoán bằng tiền mặt hoặc séc trong khoảng thời gian ngắn hoặc sẵn sàng đầu tư vào các danh mục chứng khoán không có lợi;  g) Tài khoản chứng khoán của khách hàng không hoạt động trong một thời gian dài nhưng đột nhiên được đầu tư lớn không phù hợp với khả năng tài chính của khách hàng;  h) Giao dịch mua, bán chứng khoán có nguồn tiền từ các quỹ đầu tư được mở ở các vùng lãnh thổ được các tổ chức quốc tế xếp loại là có nguy cơ rửa tiền cao.  6. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực trò chơi có thưởng, casino bao gồm:  a) Khách hàng có dấu hiệu liên tục cố tình thua tại casino;  b) Khách hàng đổi số lượng đồng tiền quy ước có giá trị lớn tại casino, điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng nhưng không tham gia chơi hoặc chơi với số lượng rất nhỏ sau đó đổi lại thành tiền mặt hoặc séc, hối phiếu ngân hàng hoặc chuyển tiền đến tài khoản khác;  c) Khách hàng yêu cầu chuyển tiền thắng cược, trúng thưởng cho bên thứ ba không có mối quan hệ rõ ràng với khách hàng hoặc khi bên thứ ba không có nơi thường trú cùng với khách hàng;  d) Khách hàng bổ sung tiền mặt hoặc séc vào số tiền thắng cược, trúng thưởng và yêu cầu casino, điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng chuyển thành séc có giá trị lớn;  đ) Khách hàng nhiều lần trong một ngày yêu cầu casino, điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng đổi số lượng đồng tiền quy ước thành tiền mặt;  e) Khách hàng nhiều lần trong một ngày yêu cầu bên thứ ba đổi hộ số lượng đồng tiền quy ước có giá trị lớn và nhờ bên thứ ba chơi cá cược hộ;  g) Khách hàng nhiều lần trong một ngày mua vé xổ số, vé đặt cược, đổi đồng tiền quy ước ở gần mức giới hạn giao dịch có giá trị lớn;  h) Khách hàng mua lại vé số trúng thưởng có giá trị lớn từ người khác.  7. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản bao gồm:  a) Các giao dịch bất động sản là giao dịch ủy quyền nhưng không có cơ sở pháp lý;  b) Khách hàng không quan tâm đến giá bất động sản, phí giao dịch phải trả;  c) Khách hàng không cung cấp được các thông tin liên quan tới bất động sản hoặc không muốn cung cấp bổ sung thông tin về nhân thân;  d) Giá thỏa thuận giữa các bên giao dịch không phù hợp giá thị trường.  8. *Khi* phát hiện dấu hiệu đáng ngờ ngoài các dấu hiệu cơ bản nêu trên, đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Căn cứ yêu cầu của công tác phòng, chống rửa tiền, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam *ban hành hướng dẫn,* bổ sung các dấu hiệu *giao dịch* đáng ngờ theo các *ngành, lĩnh vực có thể phát sinh trong từng thời kỳ.* | - Khoản 1: sửa theo hướng đơn vị tiếp nhận báo cáo là Cục Phòng, chống rửa tiền.  - Khoản 3: Bổ sung điểm n cho phù hợp với thực tiễn quá trình tiếp nhận báo cáo giao dịch đáng ngờ.  - Khoản 4, 8: sửa đổi để phù hợp với thực tiễn phát sinh các dấu hiệu giao dịch đáng ngờ mà NHNN qua quá trình tiếp nhận, thu thập, phân tích thông tin báo cáo giao dịch đáng ngờ từ các đối tượng báo cáo có được thông tin. Đồng thời, quy định này cũng đảm bảo tính linh hoạt, tạo cơ chế để NHNN thực hiện hướng dẫn, bố sung các dấu hiệu giao dịch đáng ngờ phù hợp với tình hình thực tiễn. |
| **Điều 23. Báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử** Đối tượng báo cáo khi cung ứng dịch vụ chuyển tiền điện tử có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về giao dịch chuyển tiền điện tử vượt quá mức giá trị theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | ***Điều 26. Giao dịch chuyển tiền điện tử***  1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Cục Phòng, chống rửa tiền khi thực hiện các giao dịch chuyển tiền điện tử vượt quá mức giá trị theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  *2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn chi tiết các nội dung liên quan đến giao dịch chuyển tiền điện tử phục vụ cho công tác phòng, chống rửa tiền.*  *3. Đối tượng báo cáo tham gia vào giao dịch chuyển tiền điện tử phải có chính sách, quy trình quản lý rủi ro để thực hiện, từ chối, tạm dừng, kiểm soát sau giao dịch hoặcxem xét, báo cáo giao dịch đáng ngờ các giao dịch chuyển tiền điện tử không chính xác, đầy đủ các thông tin theo yêu cầu.* | - Sửa tên điều, sửa đổi khoản 1 quy định cụ thể trách nhiệm của đối tượng báo cáo phải báo cáo Cục Phòng, chống rửa tiền và bổ sung quy định tại khoản 2, 3 nhằm đáp ứng yêu cầu tại khuyến nghị số 16 của FATF.  - Bổ sung Khosung ống rNHNN hưy văn bn rửa tiền khi thực hiện giao dịch chuyển tiền bằng phương thức điện tử. áo và cơ quan có thẩm qu  - Bác thônKho thônđham gi phục thiếu hụt được APG chỉ ra tại KN 16.1, 16.2, 16.3. |
| **Điều 24. Khai báo, cung cấp thông tin về việc vận chuyển tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng qua biên giới** 1. Cá nhân khi nhập cảnh, xuất cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng trên mức quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải khai báo hải quan. 2. Cơ quan Hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin thu thập được quy định tại khoản 1 Điều này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | **Điều 27. Khai báo, cung cấp thông tin về việc vận chuyển tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng qua biên giới**  1. Cá nhân khi nhập cảnh, xuất cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng trên mức quy định của *cơ quan nhà nước có thẩm quyền* phải khai báo hải quan. *Trường hợp không thể khai báo với cơ quan hải quan thì khai báo với bộ đội biên phòng, cảnh sát biển.*  2. Cơ quan hải quan, *bộ đội biên phòng, cảnh sát biển* có trách nhiệm *thu thập, lưu trữ* các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này *và cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu hoặc cung cấp* cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam *khi có nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.* | - Sửa đổi Điều này nhằm đáp ứng yêu cầu tại khuyến nghị số 32 của FATF về “Vận chuyển tiền mặt”. Cụ thể:  + Bổ sung đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận thông tin khai báo hải quan trong trường hợp không thể khai báo với cơ quan hải quan thì khai báo với bộ đội biên phòng, cảnh sát biển để phù hợp với thực tiễn và phù hợp với khoản 2 Điều 40 Luật Hải quan năm 2014.  + Khoản 2 quy định trách nhiệm của Hải quan, Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển phải lưu trữ thông tin thu thập được tại khoản 1 và cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và NHNN khi có nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, TTKB, TTPBVKHD. Quy định này nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan hải quan – là đơn vị chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của cá nhân khi xuất, nhập cảnh và có khả năng nắm giữ, thu thập được nhiều thông tin quan trọng để cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, góp phần quan trọng trong công tác phòng, chống rửa tiền. Đồng thời, việc sửa đổi này nhằm phù hợp với điểm 5c Mục C diễn giải khuyến nghị số 32. |
| **Điều 25. Hình thức báo cáo** 1. Đối tượng báo cáo gửi tệp dữ liệu điện tử hoặc báo cáo bằng văn bản khi chưa thiết lập được hệ thống công nghệ thông tin tương thích phục vụ cho yêu cầu gửi tệp dữ liệu điện tử đối với các báo cáo được quy định tại các điều 21, 22 và 23 của Luật này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 2. Trong trường hợp cần thiết, đối tượng báo cáo có thể báo cáo qua fax, điện thoại, thư điện tử, nhưng phải bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu thông tin báo cáo và phải xác nhận lại bằng một trong hai hình thức quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Đối với báo cáo giao dịch đáng ngờ, đối tượng báo cáo phải gửi kèm hồ sơ mở tài khoản đối với các giao dịch thực hiện thông qua tài khoản, thông tin nhận biết khách hàng, các chứng từ và tài liệu khác liên quan đến giao dịch đáng ngờ, các biện pháp phòng ngừa đã thực hiện. | **Điều 28. Hình thức báo cáo**  1. Đối tượng báo cáo gửi tệp dữ liệu điện tử hoặc báo cáo bằng văn bản khi chưa thiết lập được hệ thống công nghệ thông tin tương thích phục vụ cho yêu cầu gửi tệp dữ liệu điện tử đối với các báo cáo được quy định tại *Điều 24, 25 và 26* của Luật này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  2. Trong trường hợp cần thiết, đối tượng báo cáo có thể báo cáo qua fax, điện thoại, thư điện tử, nhưng phải bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu thông tin báo cáo và phải xác nhận lại bằng một trong hai hình thức quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Đối với báo cáo giao dịch đáng ngờ, đối tượng báo cáo phải gửi kèm hồ sơ mở tài khoản đối với các giao dịch thực hiện thông qua tài khoản, thông tin nhận biết khách hàng, các chứng từ và tài liệu khác liên quan đến giao dịch đáng ngờ, các biện pháp phòng ngừa đã thực hiện. | Sửa điều luật tham chiếu. |
| **Điều 26. Thời hạn báo cáo** 1. Đối với giao dịch có giá trị lớn và giao dịch chuyển tiền điện tử, đối tượng báo cáo phải: a) Báo cáo hàng ngày đối với hình thức báo cáo gửi tệp dữ liệu điện tử; b) Báo cáo trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh giao dịch đối với hình thức báo cáo bằng văn bản hoặc các hình thức báo cáo khác. 2. Đối với báo cáo giao dịch đáng ngờ, đối tượng báo cáo phải báo cáo trong thời gian tối đa là 48 giờ, kể từ thời điểm phát sinh giao dịch; trường hợp phát hiện giao dịch do khách hàng yêu cầu có dấu hiệu liên quan đến tội phạm thì phải báo cáo ngay cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | **Điều 29. Thời hạn báo cáo**  1. Đối với báo cáo giao dịch tiền mặt có giá trị lớn và báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử theo quy định tại Điều 24, 26 Luật này, đối tượng báo cáo phải:  a) Báo cáo hàng ngày trong trường hợp phát sinh giao dịch đối với hình thức báo cáo gửi tệp dữ liệu điện tử;  b) Báo cáo trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh giao dịch đối với hình thức báo cáo bằng văn bản.  2. Đối với báo cáo giao dịch đáng ngờ, đối tượng báo cáo phải báo cáo trong thời gian tối đa là *hai ngày làm việc* kể từ thời điểm phát sinh giao dịch *hoặc một ngày làm việc kể từ thời điểm phát hiện giao dịch đáng ngờ;* *ngày phát hiện dấu hiệu đáng ngờ được tính là ngày đối tượng báo cáo chủ động phát hiện hoặc buộc phải phát hiện được dấu hiệu đáng ngờ xét theo hoàn cảnh thực tế khách quan diễn ra giao dịch đáng ngờ*.  Trường hợp phát hiện giao dịch do khách hàng yêu cầu có dấu hiệu liên quan đến tội phạm thì phải báo cáo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Cục Phòng, chống rửa tiền. | * Khoc Phònsửa đổi đửa đổi g, chống rửa tiềnquy quy đửa đ * Khoản 2: sửa đổi nhằm khắc phục vướng mắc của đối tượng báo cáo trong quá trình thực hiện báo cáo giao dịch đáng ngờ. |
| **Điều 27. Thời hạn lưu giữ hồ sơ, báo cáo** Đối tượng báo cáo có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ giao dịch của khách hàng ít nhất 05 năm, kể từ ngày phát sinh giao dịch; hồ sơ về nhận biết khách hàng, chứng từ kế toán và các báo cáo quy định tại các điều 21, 22 và 23 của Luật này kèm chứng từ, tài liệu liên quan ít nhất 05 năm, kể từ ngày kết thúc giao dịch hoặc ngày đóng tài khoản hoặc ngày báo cáo. | **Điều 30. Lưu trữ hồ sơ, báo cáo**  Đối tượng báo cáo có trách nhiệm lưu giữ:  1. *Thông tin, tài liệu nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Luật này; kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo; các hồ sơ, tài liệu khác liên quan giao dịch phải báo cáo* ít nhất 5 năm kể từ ngày kết thúc giao dịch hoặc ngày đóng tài khoản hoặc ngày báo cáo.  2. *Thông tin, tài liệu báo cáo giao dịch và các hồ sơ, tài liệu kèm theo giao dịch báo cáo theo quy định tại Điều 24, 25 và 26 của Luật này* ít nhất 5 năm kể từ ngày phát sinh giao dịch. | - Sửa đổi nhằm đáp ứng yêu cầu tại khuyến nghị số 11 của FATF về “Lưu trữ hồ sơ”. Cụ thể:   - Bổ sung các loại thông tin, tài liệu, thời gian cần lưu trữ để đáp ứng đúng nội dung khuyến nghị số 11 của FATF. |
| **Điều 28. Trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin** 1. Đối tượng báo cáo phải cung cấp kịp thời hồ sơ, tài liệu lưu trữ và các thông tin liên quan cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật này hoặc khi được yêu cầu. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo quy định của Luật này không bị coi là vi phạm các quy định của pháp luật về bảo đảm bí mật tiền gửi, tài sản gửi, thông tin về tài khoản, thông tin về giao dịch của khách hàng. | **Điều 31. Trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin**  1. Đối tượng báo cáo phải cung cấp kịp thời *thông tin*, tài liệu *theo quy định tại Điều 30 của Luật này* cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu*.*  2. *Đối tượng báo cáo*, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo quy định của Luật này không bị coi là vi phạm các quy định của pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin. | - Việc sửa đổi tại Điều này nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn triển khai tại các đơn vị và đáp ứng yêu cầu tại khuyến nghị số 21 của FATF về “Tiết lộ thông tin và tính bảo mật”. Cụ thể:  - Khoản 1: Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định về các loại thông tin được lưu giữ theo khoản 1 Điều 30.  - Khoản 2: Được sửa đổi để phù hợp hơn với nhận định tại tiêu chí 21.1 của khuyến nghị 21. |
| **Điều 29. Bảo đảm bí mật thông tin, tài liệu báo cáo** 1. Thông tin, chứng từ và tài liệu khác liên quan đến các giao dịch phải báo cáo theo quy định của Luật này được bảo quản theo chế độ mật và chỉ được cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. 2. Đối tượng báo cáo không được tiết lộ thông tin về việc đã báo cáo giao dịch đáng ngờ hoặc các thông tin có liên quan cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | **Điều 32. Bảo đảm bí mật thông tin, tài liệu báo cáo**  1. *Đối tượng báo cáo phải tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước và bảo mật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật có liên quan đối với thông tin*, chứng từ và tài liệu liên quan đến các giao dịch phải báo cáo theo quy định của Luật này.  2. *Đối tượng báo cáo (bao gồm cả người quản lý, người lao động)* không được tiết lộ thông tin về việc đã báo cáo giao dịch đáng ngờ hoặc các thông tin có liên quan cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam *và cơ quan nhà nước có thẩm quyền*. | Sửa đổi Điều này phù hợp với thực tiễn triển khai tại các đơn vị. Cụ thể:  - Khoản 1: Sửa để phù hợp với Điều 27 về nội dung thông tin. Theo phản hồi từ đối tượng báo cáo, các vướng mắc trong quá trình thực thi liên quan đến quy định về "bảo quản theo chế độ mật". Hiện nay, theo quy định tại Quyết định 2182/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, các thông tin đối tượng báo cáo lưu giữ về khách hàng và giao dịch không còn là thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, tuy nhiên chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về bảo mật thông tin (không phải thông tin thuộc bí mật nhà nước).  - Khoản 2: Bổ sung cụm từ (bao gồm cả người quản lý, người lao động) để bao gồm trách nhiệm của cá nhân có liên quan ngoài tổ chức báo cáo. Bổ sung cụm từ “và cơ quan nhà nước có thẩm quyền” để làm rõ trách nhiệm bảo đảm bí mật thông tin của đối tượng báo cáo. |
| **Điều 30. Báo cáo hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố** 1. Đối tượng báo cáo có nghĩa vụ báo cáo kịp thời cho cơ quan phòng, chống khủng bố có thẩm quyền, đồng thời gửi báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi phát hiện tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch nằm trong danh sách đen hoặc khi có căn cứ cho rằng tổ chức, cá nhân khác thực hiện hành vi có liên quan đến tội phạm rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố. 2. Căn cứ vào quy định của Luật này và pháp luật về phòng, chống khủng bố, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định thực hiện báo cáo tại khoản 1 Điều này. | Bỏ Điều này. | Bỏ Điều này vì hiện nay Luật Phòng, chống khủng bố đã có quy định yêu cầu đối tượng báo cáo thực hiện báo cáo khi phát hiện cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch nằm trong danh sách đen hoặc thực hiện hành vi có liên quan đến tội phạm rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố. |
| **Điều 31. Thu thập, xử lý thông tin** 1. Tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông tin, tài liệu, hồ sơ về các giao dịch và các thông tin khác theo quy định của Luật này nhằm phục vụ cho việc phân tích, chuyển giao thông tin. 2. Thông tin có được từ việc xử lý thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này là thông tin mật phục vụ cho công tác phòng, chống rửa tiền. | **Điều 33. Thu thập, cung cấp thông tin phòng, chống rửa tiền**  *1. Cục Phòng, chống rửa tiền có thẩm quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ và các thông tin khác cần thiết cho việc phân tích, chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền, hợp tác trong nước và quốc tế về phòng, chống rửa tiền.*  *2. Đối tượng báo cáo,* tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm cung cấp cho *Cục phòng, chống rửa tiền* thông tin, tài liệu, hồ sơ về các giao dịch và các thông tin khác theo quy định của Luật này.  3. Thông tin có được từ việc xử lý thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này là thông tin mật phục vụ cho công tác phòng, chống rửa tiền. | Sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn triển khai công tác thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền tại Cục PCRT. Cụ thể:  - Khoản 1 quy định thẩm quyền của Cục PCRT trong việc yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ và các thông tin khác cần thiết cho việc phân tích, chuyển giao thông tin PCRT, hợp tác trong nước và quốc tế về PCRT.  - Khoản 2 quy định trách nhiệm của đối tượng báo cáo, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ… cho Cục PCRT. |
| **Điều luật mới** | ***Điều 34. Tiếp nhận và xử lý thông tin phòng, chống rửa tiền***  *Cục Phòng, chống rửa tiền có trách nhiệm ban hành quy trình xử lý, phân tích thông tin, báo cáo nhận được. Quy trình xử lý và phân tích thông tin phải bao gồm:*  *1. Phân tích và xử lý thông tin dựa trên nguồn thông tin sẵn có và thu thập bổ sung để xác định các xu hướng và mô hình rửa tiền. Các thông tin phân tích này sử dụng để xác định các nguy cơ của hoạt động rửa tiền và các biện pháp phòng, chống rửa tiền được áp dụng về rửa tiền trong từng ngành, lĩnh vực và ở phạm vi toàn quốc nhằm xây dựng các chiến lược và mục tiêu phòng, chống rửa tiền trong từng giai đoạn nhất định;*  *2. Phân tích và xử lý thông tin dựa trên nguồn thông tin sẵn có và thu thập bổ sung để lần theo dấu giao dịch hoặc hoạt động cụ thể có nghi ngờ liên quan đến rửa tiền hoặc hoạt động tội phạm khác nhằm xác định mối liên hệ của hoạt động hoặc giao dịch có liên quan tới rửa tiền hoặc hoạt động tội phạm khác.* | Việc bổ sung nội dung tại Điều này nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn triển khai công tác tiếp nhận, thu thập và xử lý thông tin PCRT tại Cục PCRT thuộc NHNN. Đồng thời, quy định này cũng nhằm đáp ứng yêu cầu tại khuyến nghị số 29 của FATF về “Đơn vị tình báo tài chính” – là Cục PCRT tại Việt Nam trong việc thực hiện các nhiệm vụ cốt lõi là tiếp nhận, thu thập và xử lý thông tin PCRT. |
| **Điều 32. Chuyển giao, trao đổi thông tin** 1. Khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ giao dịch được nêu trong thông tin, báo cáo liên quan đến rửa tiền, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm chuyển giao thông tin hoặc hồ sơ vụ việc cho cơ quan điều tra có thẩm quyền. 2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin với các cơ quan có thẩm quyền trong việc điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền. 3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm trao đổi thông tin với các bộ, ngành liên quan nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền. | **Điều 35. Chuyển giao, trao đổi thông tin *phòng, chống rửa tiền******trong nước***  1. Khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ giao dịch được nêu trong thông tin, báo cáo liên quan đến rửa tiền, *Cục Phòng, chống rửa tiền* có trách nhiệm chuyển giao thông tin hoặc hồ sơ vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền *để phục vụ cho việc xác minh, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.*  2. *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam* có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin với các cơ quan có thẩm quyền trong *quá trình xác minh,* điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền*, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt*.  3. *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam* có trách nhiệm trao đổi thông tin với các bộ, ngành liên quan nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền.  *4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này*. | Việc sửa đổi nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn chuyển giao, trao đổi thông tin PCRT tại Cục PCRT với các cơ quan có thẩm quyền trong nước về PCRT. Đồng thời, quy định này cũng nhằm đáp ứng yêu cầu tại khuyến nghị số 29 của FATF về “Đơn vị tình báo tài chính” – là Cục PCRT thuộc NHNN trong việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển giao, trao đổi thông tin PCRT với các cơ quan có thẩm quyền trong nước để phục vụ cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền.  - Bổ sung cụm từ “*tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt”*: thống nhất với phạm vi điều chỉnh của Luật.  - Bổ sung thẩm quyền giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này |
| **Điều luật mới** | ***Điều 36. Chuyển giao, trao đổi thông tin phòng, chống rửa tiền******với cơ quan có thẩm quyền nước ngoài***  *1. Cục Phòng, chống rửa tiền có thẩm quyền gửi yêu cầu tới cơ quan phòng, chống rửa tiền và cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia khác để thu thập bổ sung thông tin phục vụ cho việc xử lý, phân tích và chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền; Cục phòng, chống rửa tiền có thẩm quyền tiếp nhận thông tin phản hồi, thông tin chuyển giao của cơ quan phòng, chống rửa tiền và cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia khác và xử lý thông tin nhận được theo quy định của Luật này.*  *2. Cục Phòng, chống rửa tiền có thẩm quyền tiếp nhận yêu cầu đề nghị cung cấp thông tin từ cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia khác với mục đích phục vụ cho công tác phòng, chống rửa tiền; Cục phòng, chống rửa tiền có thẩm quyền cung cấp thông tin phản hồi, thông tin chuyển giao của cơ quan phòng, chống rửa tiền hoặc cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia khác theo quy định của Luật này.* | Việc bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn chuyển giao, trao đổi thông tin PCRT tại Cục PCRT thuộc NHNN với cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. Đồng thời, quy định này cũng nhằm đáp ứng yêu cầu tại khuyến nghị số 29 của FATF về “Đơn vị tình báo tài chính” – là Cục PCRT tại Việt Nam trong việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển giao, trao đổi thông tin PCRT với các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, góp phần hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm rửa tiền đang ngày càng có xu hướng gia tăng trên toàn thế giới. |
| **Điều luật mới** | ***Điều 37. Giám sát và chuyển giao thông tin giám sát về phòng, chống rửa tiền***  *1. Cục Phòng, chống rửa tiền có thẩm quyền và trách nhiệm giám sát đối tượng báo cáo trong việc thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền.*  *2. Cục Phòng, chống rửa tiền có trách nhiệm cung cấp thông tin, giám sát công tác phòng, chống rửa tiền của đối tượng báo cáo cho cơ quan thanh tra các Bộ, ngành để phục vụ cho công tác thanh tra, giám sát về phòng, chống rửa tiền.* | Việc bổ sung nhằm tạo cơ sở pháp lý cho công tác giám sát PCRT và chuyển giao thông tin giám sát về PCRT của Cục PCRT thuộc NHNN. Việc bổ sung này hoàn toàn phù hợp với vai trò, chức năng của Cục PCRT do Cục PCRT là đơn vị duy nhất tiếp nhận báo cáo về phòng, chống rửa tiền và nắm giữ rất nhiều thông tin, dữ liệu cần thiết do đối tượng báo cáo cung cấp và có quyền yêu cầu đối tượng báo cáo, tổ chức cá nhân có liên quan cung cấp thông tin. Việc giám sát PCRT giúp Cục PCRT sớm nhận biết, nhận định được đối tượng báo cáo nào đang có nguy cơ rủi ro về rửa tiền để đưa ra các cảnh báo, đưa ra các đề xuất cơ quan có thẩm quyền trong thanh tra, điều tra… thực hiện nhiệm vụ liên quan, góp phần xây dựng cơ chế phòng, chống rửa tiền hiệu quả, chất lượng tại Việt Nam. |
| **Điều 33. Trì hoãn giao dịch** 1. Đối tượng báo cáo phải áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch khi các bên liên quan tới giao dịch thuộc danh sách đen hoặc có lý do để tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hoạt động phạm tội và phải báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2. Thời hạn áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu áp dụng. 3. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này. | **Điều 38.** **Trì hoãn giao dịch**  1. Đối tượng báo cáo phải áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch *ngay* *khi* *phát hiện* các bên liên quan tới giao dịch thuộc danh sách đen hoặc có lý do để tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hoạt động phạm tội và phải báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  2. Thời hạn áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu áp dụng.  3. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này. | Sửa đổi, bổ sung cụm từ *“ngay khi phát hiện”* để đảm bảo tính kịp thời và phù hợp với yêu cầu của Khuyến nghị 6.5a của FATF. |
| **Điều 34. Phong tỏa tài khoản, niêm phong hoặc tạm giữ tài sản** Đối tượng báo cáo phải thực hiện phong tỏa tài khoản hoặc áp dụng biện pháp niêm phong hoặc tạm giữ tài sản của các cá nhân, tổ chức khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và báo cáo việc thực hiện cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | **Điều 39. Phong tỏa tài khoản, niêm phong hoặc tạm giữ tài sản**  Đối tượng báo cáo phải thực hiện phong tỏa tài khoản hoặc tạm giữ tài sản của các cá nhân, tổ chức khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. | Việc sửa đổi Điều này nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn tiếp nhận các thông tin, báo cáo về phong tỏa tài khoản, niêm phong hoặc tạm giữ tài sản của NHNN. Theo đó, cần giới hạn thông tin tiếp nhận báo cáo đối với việc phong tỏa tài khoản liên quan đến các vụ án hình sự - là các vụ án liên quan đến các loại tội phạm nguồn của tội rửa tiền để NHNN (Cục PCRT) tiếp nhận, phục vụ quá trình phân tích, xử lý thông tin. NHNN sẽ không tiếp nhận các báo cáo việc thực hiện phong tỏa theo các vụ án hành chính, dân sự… nhằm giảm tải khối lượng tài liệu lưu giữ.  Đồng thời, việc sửa đổi quy định tại điều này cũng nhằm đáp ứng yêu cầu tại khuyến nghị số 4 của FATF về “Tịch thu và các biện pháp phòng ngừa”. |
| **Điều 35. Xử lý vi phạm** Tổ chức vi phạm các quy định của Luật này thì bị xử phạt vi phạm hành chính. Cá nhân vi phạm các quy định của Luật này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. | **Điều 40. Xử lý vi phạm**  Tổ chức, *cá nhân* vi phạm các quy định của Luật này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. | Sửa đổi để phù hợp với quy định pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự 2015. |
| **Điều 36. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền** 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền. 2. Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, chiến lược về phòng, chống rửa tiền. 3. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan của Chính phủ phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong công tác phòng, chống rửa tiền; phối hợp công tác phòng, chống rửa tiền và công tác phòng, chống tài trợ khủng bố. | **Điều 41. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền**  1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền.  2. Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, chiến lược về phòng, chống rửa tiền.  3. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan của Chính phủ phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong công tác phòng, chống rửa tiền; phối hợp công tác phòng, chống rửa tiền và công tác phòng, chống tài trợ khủng bố. | Giữ nguyên nội dung. |
| **Điều 37. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam** 1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền. 2. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch về phòng, chống rửa tiền. 3. Tổ chức đầu mối theo quy định của Chính phủ để thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin về hành vi rửa tiền cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, hồ sơ về các giao dịch và các thông tin khác theo quy định của Luật này nhằm phục vụ việc phân tích, chuyển giao thông tin về hành vi rửa tiền. 4. Thông báo kịp thời cho cơ quan phòng, chống khủng bố có thẩm quyền thông tin về hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố theo quy định của Luật này và pháp luật về phòng, chống khủng bố. 5. Thanh tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối. 6. Hợp tác, trao đổi, cung cấp thông tin với các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động thanh tra, giám sát, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án liên quan đến rửa tiền; trao đổi thông tin với cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài khác theo quy định của pháp luật. 7. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền theo thẩm quyền, làm đầu mối tham gia, triển khai thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam với tư cách thành viên các tổ chức quốc tế về phòng, chống rửa tiền. 8. Đào tạo đội ngũ cán bộ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cơ quan khác của Chính phủ, nhân viên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và cá nhân, tổ chức khác về phòng, chống rửa tiền. 9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào công tác phòng, chống rửa tiền. 10. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền. 11. Tổng hợp thông tin, định kỳ hàng năm báo cáo Chính phủ về phòng, chống rửa tiền trên lãnh thổ Việt Nam. | **Điều 42. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**  1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền.  2. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch về phòng, chống rửa tiền.  3. *Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.*  *4. Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia, ngành và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra*, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng.  5. Hợp tác, trao đổi, cung cấp thông tin với các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động thanh tra, giám sát, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án liên quan đến rửa tiền; trao đổi thông tin với cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài khác theo quy định của pháp luật.  6. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền theo thẩm quyền, làm đầu mối tham gia, triển khai thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam với tư cách thành viên các tổ chức quốc tế về phòng, chống rửa tiền.  7. Đào tạo đội ngũ cán bộ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cơ quan khác của Chính phủ, nhân viên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và cá nhân, tổ chức khác về phòng, chống rửa tiền.  8. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào công tác phòng, chống rửa tiền.  9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền *và truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống rửa tiền.*  10. Tổng hợp thông tin, định kỳ hàng năm báo cáo Chính phủ về phòng, chống rửa tiền trên lãnh phòng, chống rửa tiền.  *11. Thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng theo quy định tại Điều 7 Luật này.* | Việc sửa đổi các điều khoản tại Điều này nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền, cụ thể:   * Sửa đổi, bổ sung khoản 3 quy định NHNN chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng. Quy định này tạo cơ sở để NHNN tổ chức triển khai, hướng dẫn các đối tượng báo cáo thuộc quyền quản lý thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, giúp các quy định pháp luật sớm đi vào cuộc sống, giúp đối tượng báo cáo hiểu đúng vai trò, nhiệm vụ mình cần thực hiện theo quy định của pháp luật tương tự như trách nhiệm của các Bộ, ngành khác với đối tượng quản lý của mình. * Sửa đổi, bổ sung khoản 4, 11 để quy định rõ trách nhiệm của NHNN trong nhiệm vụ liên quan đến đánh giá rủi ro về rửa tiền. ​ |
| **Điều 38. Trách nhiệm của Bộ Công an** 1. Thu thập, tiếp nhận và xử lý thông tin về tội phạm liên quan đến rửa tiền. 2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan trong phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm về rửa tiền. 3. Thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu về phương thức, thủ đoạn hoạt động mới của tội phạm rửa tiền trong nước và nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 4. Chủ trì lập danh sách tổ chức, cá nhân thuộc danh sách đen quy định tại khoản 12 Điều 4 của Luật này. 5. Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền theo thẩm quyền. | **Điều 43.** **Trách nhiệm của Bộ Công an**  1. Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tội phạm liên quan đến rửa tiền *do Cục Phòng, chống rửa tiền chuyển giao và thông tin do đối tượng báo cáo cung cấp theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền; thông báo kết quả xử lý có liên quan cho Cục Phòng, chống rửa tiền.*  2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan trong phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm về rửa tiền.  3. Thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu về phương thức, thủ đoạn hoạt động mới của tội phạm rửa tiền trong nước và nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  4. Chủ trì lập danh sách tổ chức, cá nhân thuộc danh sách đen quy định tại khoản 13 Điều 4 của Luật này.  5. Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền theo thẩm quyền.  *6. Thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền đối với các loại tội phạm nguồn có rủi ro cao quy định tại Điều 7 Luật này.* | - Khoản 1: làm rõ hơn trách nhiệm thu thập, tiếp nhận thông tin giao dịch đáng ngờ do Cục PCRT chuyển giao và đối tượng báo cáo gửi Bộ Công an, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 và khoản 1 Điều 35. Đây cũng là nội dung được APG khuyến nghị sau đánh giá đa phương.  - Khoản 6: Việc bổ sung khoản 6 phù hợp với các quy định mới tại Điều 7 về “Đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành về rửa tiền” và nhằm đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị 1 và thực tiễn nhiệm vụ triển khai đánh giá rủi ro của Bộ Công an. |
| **Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Tài chính** 1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán, trò chơi có thưởng, casino. 2. Thanh tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán, trò chơi có thưởng, casino. 3. Chỉ đạo cơ quan hải quan cung cấp thông tin thu thập được về việc vận chuyển tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng qua biên giới theo quy định tại Điều 24 của Luật này. | **Điều 44. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**  1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm *nhân thọ,* chứng khoán, trò chơi có thưởng, casino, *tài sản ảo và dịch vụ kế toán.*  2. *Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia, ngành và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra*, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm *nhân thọ,* chứng khoán, trò chơi có thưởng, casino, *tài sản ảo và dịch vụ kế toán.*  *3. Cung cấp thông tin thu thập được về việc vận chuyển tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng qua biên giới theo quy định tại Điều 27 của Luật này.*  *4. Thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, chứng khoán, trò chơi có thưởng, casino, tài sản ảo và dịch vụ kế toán theo quy định tại Điều 7 Luật này.* | Việc sửa đổi, bổ sung nhằm quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của Bộ Tài chính, cụ thể:  - Khoản 1: bổ sung các lĩnh vực trong phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.  - Khoản 2, 4: phù hợp với các quy định mới tại Điều 7 về “Đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành về rửa tiền” và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Tài chính trong lĩnh vực bảo hiểm, kế toán, tài sản ảo (hiện đang được Chính phủ giao Bộ Tài chính thực hiện). |
| **Điều 40. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng** 1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản. 2. Thanh tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực kinh doanh bất động sản. | **Điều 45. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng**  1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.  *2. Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia, ngành và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản bao gồm: kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản; sàn giao dịch bất động sản.*  *3. Định kỳ thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản; sàn giao dịch bất động sản theo quy định tại Điều 7 Luật này.* | Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản tại Điều này nhằm quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của Bộ Xây dựng nhằm phù hợp với các quy định mới tại Điều 7 về “Đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành về rửa tiền” và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng được Chính phủ giao quản lý trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản; sàn giao dịch bất động sản. |
| **Điều 41. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp** 1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền áp dụng cho đối tượng báo cáo là luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; công chứng viên, tổ chức cung ứng dịch vụ công chứng. 2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền. | **Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp**  1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền áp dụng cho đối tượng báo cáo là luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; công chứng viên, tổ chức cung ứng dịch vụ công chứng.  2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền.  *3. Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia, ngành và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, bao gồm: luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; công chứng viên, tổ chức cung ứng dịch vụ công chứng.*  *4. Đđối tượng báo cáo thuộc trách nhiệhực hiện thanh tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý* | Việc sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 nhằm quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của Bộ Tư pháp phù hợp với các quy định mới tại Điều 7 về “Đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành về rửa tiền” và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp được Chính phủ giao quản lý trong lĩnh vực luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; công chứng viên, tổ chức cung ứng dịch vụ công chứng. |
| **Điều luật mới** | **Điều 47. Trách nhiệm của *Bộ Công thương***  *1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền áp dụng cho đối tượng báo cáo là các tổ chức, cá nhân kinh doanh kim loại quý, đá quý trừ tổ chức, cá nhân kinh doanh vàng miếng và vàng trang sức, mỹ nghệ.*  *2. Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia, ngành và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực kinh doanh kim loại quý, đá quý trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng trang sức mỹ nghệ.*  *3. Định kì thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh kim loại quý, đá quý trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng trang sức mỹ nghệ theo quy định tại Điều 7 Luật này.* | Bổ sung Điều mới nhằm quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của Bộ Công thương.  Việc bổ sung các khoản 2, 3 phù hợp với các quy định mới tại Điều 7 về “Đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành về rửa tiền” và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Công thương được Chính phủ giao quản lý trong lĩnh vực kinh doanh kim loại quý, đá quý. |
| **Điều luật mới** | ***Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư***  *1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai công tác phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.*  *2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền đối với pháp nhân được thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp theo quy định tại Điều 7 Luật này.* | Bổ sung Điều mới nhằm quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.  Việc bổ sung Điều này phù hợp với quy định mới tại Điều 7 về “Đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành về rửa tiền” và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư được Chính phủ giao, trong đó bao gồm việc thu thập, lưu trữ và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp. |
| **Điều luật mới** | ***Điều 49. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ***  *1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai công tác phòng, chống rửa tiền đối với các tổ chức phi lợi nhuận trong nước.*  *2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền đối với các tổ chức phi lợi nhuận trong nước theo quy định tại Điều 7 Luật này.* | Bổ sung Điều nhằm quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của Bộ Nội vụ.  Việc bổ sung Điều này phù hợp với quy định mới tại Điều 7 về “Đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành về rửa tiền” và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. |
| **Điều luật mới** | ***Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao***  *1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai công tác phòng, chống rửa tiền đối với các tổ chức phi lợi nhuận nước ngoài.*  *2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền đối với các tổ chức phi lợi nhuận nước ngoài theo quy định tại Điều 7 Luật này.* | Bổ sung Điều mới nhằm quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của Bộ Ngoại giao nhằm đảm bảo phù hợp với quy định mới tại Điều 7 và chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao. |
| **Điều luật mới** | ***Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và môi trường***  *1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai công tác phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh kim loại quý và đá quý trừ các loại kim loại quý, đá quý thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Công thương.*  *2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh thành kim loại quý, đá quý trừ các loại kim loại quý, đá quý thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Công thương theo quy định tại Điều 7 Luật này.* | Bổ sung Điều mới nhằm phù hợp với quy định mới tại Điều 7 và chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao. |
| **Điều 42. Trách nhiệm của các cơ quan khác của Chính phủ** 1. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền. 2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc quyền quản lý của mình thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền. | ***Điều 52. Trách nhiệm của các bộ ngành khác***  1. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền.  2. Chỉ đạo, hướng dẫn, *thanh tra*, kiểm tra các đối tượng báo cáo thuộc phạm vi quản lý của mình thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.  *3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan định kỳ thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro quốc gia, ngành về rửa tiền theo quy định tại Điều 7 Luật này.* | Việc sửa đổi Điều này nhằm quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của các cơ quan khác của Chính phủ nhằm phù hợp với quy định mới tại Điều 7 về “Đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành về rửa tiền” và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các cơ quan khác của Chính phủ. |
| **Điều 43. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân** Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi rửa tiền; phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan trong đấu tranh phòng, chống rửa tiền. | Giữ nguyên nội dung. |  |
| **Điều 44. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp** 1. Thực hiện, chỉ đạo việc phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền tại địa phương. 2. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền triển khai và đôn đốc thực hiện các đường lối, chính sách, chiến lược, kế hoạch phòng, chống rửa tiền. 3. Phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống rửa tiền theo thẩm quyền. | **Điều 54. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp**  1. Thực hiện, chỉ đạo việc phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền tại địa phương.  2. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền triển khai và đôn đốc thực hiện các đường lối, chính sách, chiến lược, kế hoạch phòng, chống rửa tiền, *thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia, ngành về rửa tiền.*  3. Phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống rửa tiền theo thẩm quyền. | Việc sửa đổi khoản 2 Điều này nhằm quy định bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành về rửa tiền. Nội dung này phù hợp với quy định mới tại Điều 7 về “Đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành về rửa tiền” và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân các cấp đã được Chính phủ giao. |
| **Điều 45. Bảo mật thông tin** Các cơ quan nhà nước được quy định tại các điều từ Điều 36 đến Điều 44 của Luật này có trách nhiệm thực hiện chế độ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật. | **Điều 55. Bảo mật thông tin**  Các cơ quan nhà nước được quy định tại Chương III của Luật này có trách nhiệm thực hiện chế độ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật. | Sửa nội dung tham chiếu. |
| **Điều 46. Nguyên tắc chung về hợp tác quốc tế** 1. Hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, các bên cùng có lợi, tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. 2. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi trong việc trao đổi thông tin và tương trợ tư pháp về phòng, chống rửa tiền. | **Điều 56. Nguyên tắc chung về hợp tác quốc tế**  Hợp tác quốc tế thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, các bên cùng có lợi, tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cợp tác quốc tế thực hiện Việt Nam là thành viên. | - Sửa đổi khoản 1 theo hướng chỉnh sửa một số câu từ để phù hợp với quy định tại Luật Điều ước quốc tế.  - Bỏ quy định tại khoản 2. |
| **Điều 47. Nội dung hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền** 1. Trao đổi thông tin, tài liệu về phòng, chống rửa tiền. 2. Xác định, phong tỏa tài sản của người phạm tội rửa tiền. 3. Thực hiện tương trợ tư pháp và hợp tác trong dẫn độ tội phạm rửa tiền. 4. Các nội dung hợp tác khác về phòng, chống rửa tiền. 5. Quy trình, thủ tục, phương thức hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này được thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | **Điều 57. Nội dung hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền**  *1. Hợp tác quốc tế trong việc* xác định, phong tỏa, *niêm phong hoặc tịch thu* tài sản của người phạm tội rửa tiền.  2. Thực hiện tương trợ tư pháp và hợp tác trong dẫn độ tội phạm rửa tiền.  3. Các nội dung hợp tác quốc tế khác về phòng, chống rửa tiền:  a) Trao đổi thông tin, tài liệu giữa cơ quan phòng chống rửa tiền *trong nước* với cơ quan PCRT và cơ quan có thẩm quyền của các *quốc gia khác liên quan đến phòng chống rửa tiền và các tội phạm nguồn của tội rửa tiền;*  *b) Trao đổi thông tin giữa các cơ quan giám sát tài chính thuộc các bộ ngành với cơ quan giám sát tài chính của các quốc gia khác về phòng, chống rửa tiền;*  *c) Trao đổi thông tin giữa cơ quan thực thi pháp luật với cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia khác về phòng, chống rửa tiền.*  4. Quy trình, thủ tục, phương thức hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền tại khoản 1, 2, 3 Điều này được thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết, các quy định khác của pháp luật có liên quan *và được thực hiện trên nguyên tắc có đi có lại.*  *5. Giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.* | Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Luật Điều ước quốc tế và phù hợp với yêu cầu Khuyến nghị 38, 39, 40 của FATF về Hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền, cụ thể:  + Bỏ quy định tại khoản 1  + Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2, 3, 4 để phù hợp với yêu cầu Khuyến nghị 38, 39, 40 của FATF.  - Bổ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này |
| **Điều 48. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền** 1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành liên quan đề xuất, chủ trì đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế về phòng, chống rửa tiền; hợp tác quốc tế trong việc nghiên cứu, đào tạo, hỗ trợ thông tin, hỗ trợ kỹ thuật, trợ giúp tài chính và trao đổi kinh nghiệm về phòng, chống rửa tiền. 2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện trao đổi thông tin về phòng, chống rửa tiền với cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài khác theo quy định của pháp luật; có quyền từ chối cung cấp thông tin cho cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài khác trong trường hợp cần thiết và theo quy định của pháp luật Việt Nam. 3. Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp trong phòng, chống rửa tiền. 4. Khi có yêu cầu về hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm kịp thời thông báo bằng văn bản về nội dung, thời gian, các bên liên quan và các chương trình hợp tác quốc tế khác cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc cho Bộ Tư pháp nếu nội dung liên quan đến tương trợ tư pháp để phối hợp thực hiện. | **Điều 58. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền**  1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành liên quan đề xuất, chủ trì đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế về phòng, chống rửa tiền; hợp tác quốc tế trong việc nghiên cứu, đào tạo, hỗ trợ thông tin, hỗ trợ kỹ thuật, trợ giúp tài chính và trao đổi kinh nghiệm về phòng, chống rửa tiền.  2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện trao đổi thông tin về phòng, chống rửa tiền với cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài khác theo quy định của pháp luật; có quyền từ chối cung cấp thông tin cho cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài khác trong trường hợp cần thiết và theo quy định của pháp luật Việt Nam.  3. Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp trong phòng, chống rửa tiền.  4. Khi có yêu cầu về hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm kịp thời thông báo bằng văn bản về nội dung, thời gian, các bên liên quan và các chương trình hợp tác quốc tế khác cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phối hợp thực hiện. | Sửa Khoản 4: bỏ quy định “hoặc cho Bộ Tư pháp nếu nội dung liên quan đến tương trợ tư pháp” do nhiệm vụ này không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Tư pháp. |
| **Điều 49. Hiệu lực thi hành** Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. | **Điều 59. Hiệu lực thi hành**  1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ….. tháng ….. năm …….;  *2. Sửa đổi khoản 1 Điều 49 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như sau: “1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giám sát ngân hàng**.”* | Sửa đổi Điều “Hiệu lực thi hành” phù hợp với hiệu lực mới của văn bản luật được quốc hội thông qua.  Đồng thời bổ sung khoản 2 sửa đổi khoản 1 Điều 49 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan TTGSNH sau khi nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền đã được giao cho Cục PCRT thuộc NHNN đảm nhiệm. |
| **Điều luật mới** | **Điều 60. Quy định dẫn chiếu**  Các quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 áp dụng cho đối tượng báo cáo theo Điều 34, 35 của Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13 ngày 12 tháng 06 năm 2013 và pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện theo quy định từ Điều 9 đến Điều 32 của Luật này. | Bổ sung Điều mới để phù hợp với các khuyến nghị của FATF liên quan đến tài trợ khủng bố. |
| **Điều 50. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành** Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật | **Bỏ** | Các nội dung giao Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn đã được quy định cụ thể tại từng điều khoản. |

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**